

TRUNG BAC CHU NHAT



HOA-HA-WANG
CHU-TRUNG

Số «ĐIÀ-TRUNG-HẢI» (T4) III
Hỗ-tống thương-thuyền

SỐ 167 - GIẤ 0140
25 JUILLET 1943

Tuân-lê Đông-Dương.

Quan báo Pháp vừa đăng đạo sắc-lệnh: « Tại các thành phố Hanoi, Haiphong và Tourane, may bài các điều khoản trong sắc lệnh 25 Mars 1913 đã định về mọi điều khoản trong điều luật công-nội Annam như thuộc địa Pháp. »

Khoản 2 và khoản 540 trong Dân-luật nói trong khoản trên này bài đi và thay vào điều này: « Luật này chỉ thi hành đối với người Annam thuộc địa Pháp tại Nam kỳ » (Theo sắc lệnh cũ thì những người Nam sin tại các thành phố Hanoi Haiphong và Tourane được coi là thuộc-dân Pháp sujets français, đối với Dân-luật tổ-tung, các địa Nam-án không có quyền tự).

Quan toàn quyền vừa ấn định giá thóc bán ở các tỉnh trong Nam-kỳ (trừ quận Saigon-Caolon) như sau đây:

Bón đồng 68 kilo thóc để làm ra hàng gạo số 1, tốt vừa.

Nếu các nhà có ruộng đem bán trong tháng Juillet với giá trên thị trường được người mua thưởng thêm cho 0 p. 35 mỗi 68 kilo.

Nếu bán trong tháng Août thì được thưởng 0 p. 30 và bán trong tháng Septembre thì được thưởng p. 20.

Ở Choison giá 68 kilo thóc định là 4 p. 70.

Ngày 11 Juillet, những phi-cơ Hoa Mỹ đã bay qua địa phận Bắc-kỳ theo nơi thuộc vùng Lào-kay và muốn duyên-hai bị ném bom và bắn súng liên-thanh. Có 2 người Âu chết và 4 người

Đông-dương bị thương. (Thông cáo)

Ngày 12 Juillet phi-cơ Hoa-Mỹ đã bay qua địa phận Bắc-kỳ, đã ném bom và bắn súng liên-thanh xuống các địa điểm thuộc về đạo quân binh thứ ba và Vna Ha loag. Trong dân chúng Đông-dương có 3 người chết và người bị thương. (Thông cáo)

Quan Toàn quyền đã giúp một món tiền 10 000 cho những nạn-dân ở Haiphong Ha dươg, Vinh-yên, Hanam đã bị napa bom

Các gia đình của 120 nạn-nhân hoặc chết ngay hay bị thương rồi mới chết cộng 57 người bị thương nặng đều đã nhận được số tiền cứu trợ từ 35 đến 60 đồng

Ở Hanoi những người có thể gia-dinh hàng nhĩ và ba (màu hồng và vàng) nghĩa là những người dùng thuốc thần, môn-bài hay thử trận vào hàng nhiều tiền được mua mỗi nhân xuất 125 gramme: sa-phô và 1 cân đường mỗi lần

Những người có thể gia-dinh hàng nhất nghĩa là những người dùng thuốc thần 1 p. và 2 p. 50 không được mua.

Bây giờ sáng hôm 14 Juillet: 1943, cuộc chạy « Hoa-bài » của anh em Hương-đạo Đông-dương tổ chức, đã khởi hành.

Hộp thư

Ở Phan-Nguyễn vô Sĩ-Ngữ — Không đăng được.

Cuộc chạy hoa-bài này tức là diễn lại lời đem thư hỏa-tức của ta xưa để kỷ niệm ngày ba kỷ hợp nhất. Năm Gia-long thứ nhất khi đức Thế tổ vào thành Thăng long và bá cáo choi bá xử biết rằng Trung Nam, Bắc, thuộc vào một đất nước.

« Hoa-bài » làm bằng một cái ống gỗ tròn sơn son, kẻ vào bạc trong đường đạo Dục viết trên giấy lệnh đã màu vàng nền-gấm bạc, một bên chữ Hán và một bên chữ quốc-ngữ dùng tư hồi giám mục. Bá đạ-lu, kèm với đạo Dục, có ba lá thư của Hương-đạo Bắc-kỳ, một gửi cho Hương-đạo miền Trung, một gửi cho Hương-đạo miền Nam và một gửi sang cho Hương-đạo bên Pháp viết trên giấy tráp Impérial d'Annam.

Hỏa-bài do một tráng đoàn đeo đi xe đạp đi trước, đi 8 thước sau, ba tráng đoàn kéo theo

Các tráng đoàn ở địa hạt nào thì chia nhau chạy hết địa-hạt ấy.

Các đoàn Kiểm-hò, Hà-dông, Hanoi Nam định, Thái-bình, Nhai-bình cắt nhau chạy đến đền Đông-giao Thanh-hóa thì giao hỏa-bài cho Hương-đạo-siêu Trung-kỳ

Hai giờ rưỡi sáng 18 Juillet, Hỏa-bài đã tới Saigon.

Trông ngày hôm 13 Juillet, may bay Hoa-Mỹ đã bắn súng liên-thanh xuống nhiều nơi ở đạo quan binh thứ ba. Có bốn người dân Đông-dương chết. (Thông cáo).

Hiện nay, mặt trận Nga từ Orel đến Bielgorod và mặt trận Sicile được dư luận quốc-lê chú ý một cách đặc biệt.

Trên đảo Sicile, sau khi quân Anh, Mỹ đã bỏ hơn một tuần lễ, tình-hình chiến-tranh trên đảo vẫn chưa khác ngày đầu mùng. Đồng-minh dùng đến 2.000 tàu vận-tải, nhiều quân lính và chiến cụ để đánh Sicile nhưng cuộc tấn công chưa có kết quả theo như ý muốn của bộ tư lệnh Anh, Mỹ. Mặt trận Sicile có thể chỉ làm hai phần: về phía Đông Nam đảo có các hải cảng Syracuse, Augusta là phạm vi của quân Anh, còn về phía Nam đảo là phạm vi của quân Mỹ và ở tả dục quân Mỹ là quân Gia-nai-đại Đại-tướng Mỹ Eisenhower tổng tư lệnh các cuộc hành-binh đã tới Sicile. Tướng Arh Montgomery thì chỉ huy 10 quân thứ tám của mình còn tướng Mỹ Patton thì chỉ huy 10 quân Mỹ thứ 7. Hai đạo quân Anh, Mỹ đã liên lạc được với nhau trong đồng bằng Calafé phía Nam hải-cảng cùng tên đó. Trận đánh kịch liệt và quan hệ nhất ở Sicile hiện nay là ở đồng bằng Calafé.

Quân Anh, Mỹ sau khi chiếm các thị trấn ở dọc bờ về phía Đông-Nam đảo đã mở cuộc tấn công về tiền tuyến vào nội địa và tiến lên phía Bắc dọc bờ biển.

Nhưng ở đầu quân đồng minh cũng gặp quân Đức, ý kháng chiến lại rất kịch liệt và hàng hai vì thế mà quân Anh, Mỹ chỉ tiến được một cách khó khăn và bị thiệt hại lớn. Tin Đức nói cuộc tấn công của họ quân thứ tám về phía Calafé đã bị đánh lại bởi phòng tuyến Brucelli Lentini. Tướng Montgomery đang tập trung thêm quân ở gần

Theo tin Đức thì trong khoảng 4 năm nay, đồng-minh thiệt mất hơn 10 triệu tấn tàu buôn. Vậy ta nên biết Đông-minh hiện đang dùng cách gì để trừ cái nạn đó, và ta cũng nên biết luôn cách họ tổng các đoàn tàu qua bể, thường thuyền Đông-minh có sợ bị thiệt hại không?

Các bạn sẽ đọc trong T. B. C. N. số 168 ra tuần sau, ter-7-43 có bài giá trị nói về vấn đề đó. Cũng nhiều bài về văn-chương khảo cứu và lịch-sử:

Phân-mộ tổ-tiền Lê-vương và Nguyễn-vương nước ta đều ở Tàu?

và một truyện ngắn

THÊM MỘ VẠN KHÂN TRẮNG

của NAM VIỆT-NHÂN

Tuân-lê Quốc-tê

Augusta để tiếp tục cuộc tấn công. Ở phía Bắc và tây bắc Raguse, cuộc tấn công của quân Anh cũng chỉ có kết quả rất ít. Còn quân Mỹ mở cuộc tấn công từ Gela đến Castellione thì không tiến được. Đạo quân Gia-nai-đại ở tả dục là quân Mỹ thứ bảy chỉ tiến được ít về phía Agrigene, thị trấn này vẫn ở trong tay quân Đức. Cả hai là quân Anh và Mỹ đã bị thiệt hại 100 chiến-cụ, số thiệt hại do tuy không quan hệ nhưng có thể cho là sẽ ảnh hưởng đến chiến-cụ vì hiện số chiến-cụ của Đông-minh đã bị chưa có mấy. Tin Anh, Mỹ ở Alger lại nói quân Đông-minh hiện đang tiến ở khắp các khu tuy gặp quân Đức không chiến đấu. Lực lượng Anh thì tìm đã tiến được nhiều rạp số qua một miền rất hiểm trở và đã chiếm các thị trấn Barro, Vizzini, Vittoria, Campo Bello, Sortino, Medica, Biscara, Canicatti. Có tin nói quân Anh chỉ còn cách Calafé độ 3 cây số và quân Mỹ đã chiếm được Agrigene. Trận tuyến của quân Đông-minh hiện nay giống như một chữ W lớn dài đầu từ Lentini xuống phía Nam tới Palazzano rồi lại chạy lên phía tây bắc Vizzini và xuống phía tây Nam đến Biscari rồi lại chạy lên phía Tây Bắc đến Canicatti.

Các trận đánh rất gay go và phi quân cũng hai quân Đông-minh luôn giúp sức cho các binh trên đảo. Đồng thời, các phi-cơ Anh, Mỹ vẫn theo đuổi cuộc đánh phá các thị trấn lớn trên đảo Sicile và trên đất Ý như Palermo, Messina, Calafé, Nap es, Turin. Hai thị trấn sau này bị thiệt hại rất lớn, số người bị nạn cũng khá nhiều. Miền ngoại ô kinh-thành Paris và mấy thị trấn ở phía Đông nước Pháp lại vừa bị ném bom. Ở Paris có tới 87 người chết và 272 người bị thương và ở một thị trấn miền đông cũng có tới 99 người chết và 280 người bị thương.

Cuộc chiến đấu ở mặt trận phía Đông càng ngày càng thêm ác liệt nhất là ở khu Orel. Tại khu Bielgorod quân Đức tiến về phía Bắc đã mở rộng được một chỗ trong trận tuyến Nga và đang vây một đạo quân Nga ở đây. Tại khu Koursk thì tin Nga nói hiện nay quân Đức chỉ giữ thế thủ. Còn ở khu Orel thì từ từ năm trước Thống chế Timochenko đã mở cuộc tấn công đi để giúp cho các lực lượng của Nga ở Koursk và Bielgorod.

(xem tiếp trang 34)

Có một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

GIẶC BIỂN Ở ĐỊA - TRUNG - HẢI

Từ thời ngi-sử, thi-hạo Homère tới nửa thế kỷ thứ 19, Địa-Trung-hải giặc cướp như rươi, và riêng quần đảo Hy-lạp, với nhiều hòn đảo nhỏ, kín đáo là một sao huyết hải-tặc ghê gớm có tiếng ở châu Âu.

Một đảo như trong quần-đảo đó tên là đảo Kimolo, cái bìn đồ cổ của Pháp để tên là *Argente*, dù nhỏ bé, song vì vị-trí đặc biệt của nó được đặt làm nơi cư-trú của viên « Ngự-tiền hoa tiêu Pháp trong các biển miền đông » (*Pilote du Roy de France dans les mers du Levant*). Viên hoa tiêu đó được hưởng các quyền hành như một viên lãnh-sự, được nhà vua ủy mệnh một những thủy-thủ người Hy-lạp biết những luồng biển chặc-chắn để làm việc trên các tàu chiến treo cờ Pháp-Hoàng.

Trên bản đồ, đảo Kimolo chỉ là một vết chấm nhỏ tí ti ở phía nam quần đảo Hy-lạp. Đảo ấy do hòa-diêm-sơn kết thành, tro-trôi, lơ-lơ có một dóm cây cối cần cộc. Trên sườn đảo có một vài nóc nhà tường trắng xóa, một dãy cột xay cánh dang xoay, và giữa đảo vách đá mù dờ-nâu. Có một cửa bể nhỏ nước xanh biếc da trời.

Tại đây, chẳng có chuyện thần thoại gì cổ-sơ, chẳng có đền-dải lâu-tạ gì danh-thắng, duy có một chuyện cổ-tích vừa có thật vừa cảm-lòng ngày nay còn ghi-chép trong đầu óc mọi người. Đó là chuyện viên Ngự-tiền hoa-tiểu Pháp vậy.

Một ngày mùa xuân năm 1815, Hai chiếc tàu hiện ra trong bến Kimolo: Một chiếc tàu buôn Pháp chạy bằng buồm và một chiếc tàu của viên tướng giặc mới bắt được chiếc tàu buôn Pháp.

Hai chiếc tàu ấy đi từ quần đảo Magne ở tận phía Nam nước Hy-lạp, nơi mà ngày nay vẫn còn là một chỗ hẻo lánh nhất châu Âu.

Tướng giặc bắt được tàu buôn Pháp. Nó sẵn lòng thả ra cho đi, nhưng phải trả một món tiền chuộc. Tướng giặc bảo với các

« primats » là các nhà chức trách ở đảo Kimolo như thế.

Từ một thế kỷ nay, một họ người Pháp được quyền truyền từ phước tôn chức « Ngự-tiền hoa tiêu Pháp », và được hưởng đủ quyền hành của chức-vị ấy. Người giữ chức ấy bây giờ là người cuối cùng trong giống họ đó, tên là Louis Brest. Khi quân-chủ phục hưng, Brest liền dâng số xin vua Louis XVIII cho tập chức ấy của ông cha, đóng đồn tại Kimolo và tự xưng là « nhân-viên làm thời của nước Pháp » (*agent français provisoire*).

Brest người còn trẻ và cương quyết, có chí lớn. Được tin quân giặc dời tiền chuộc, chàng nhất định phản-đối không chịu. Chàng tề-tập tất cả các viên chức, các kỳ hạo dân cư trên đảo lại một nơi, hiểu-dụ cho mọi người nghe, bảo cho mọi người biết chia phục bọn hải-tặc là một điều sỉ-nhục lớn. Bấy giờ người Hy-lạp nào cũng có súng treo ở tường trong nhà.

Brest ra lệnh cho mọi người vào súng chống giặc.

Đời lâu nóng ruột, quân giặc dờ họ lên đảo Hai bên liền khởi cuộc giao-tranh. Viên hoa-tiểu ngự-tiền bắn chết được mấy quân cướp. Chúng vội vàng rút xuống tàu, để lại 17 đứa bị các nhà anh hùng trên đảo bắt sống. Mươi bảy quân cướp bắt sống được sau giao cho viên võ-quan Anh là ông M. de Mackau, vị thuyền-trưởng trẻ tuổi của tàu *Alacridy*, đem đi Smyrne giao cho sở cảnh-sát. Từ đây, quân cướp lại bị diễu về bãi cảng Bourdroun xung vào các xưởng đóng tàu của quốc-vương Constantinople. Sau này, bọn chúng tìm cách vượt ngục được và giữa biển lại bắt cướp luôn hai chiếc tàu buôn.

Tại Kimolo, mọi người đang lấy làm tự-hào, thì ngày 22 Juin năm ấy, ba chiếc tàu buôn cập bến, trên có hơn 200 người nai-nit khi giới rất tế chin.

Một tên được phái đem lên bộ bức tối hậu thư có chữ ký của ba tướng cướp là Catra-

matto, Francopolo và Loyo, trình viên ngự-tiền hoa tiêu Pháp trên đảo.

Trong thư đại khái nói rằng:

« Nếu trong ba khắc đồng hồ, viên ngự-tiền không nộp đủ 40,000 đồng bạc và tha các « tu binh » ra trả, thì viên ấy sẽ bị xà ra từng mảnh cùng với vợ con. Ba ông tướng kỹ-giấy này sẽ uống máu viên ấy « thay rượu ».

Lâu nay việc có vẻ to tát. Thấy quân giặc dờ họ lên đảo, nghĩa-quân trên đảo đã thấy rằng mình kém thế.

Hết hạn tối hậu thư, cuộc giao-chiến bắt đầu. Brest cùng vài ba tên tâm phước phải vào đánh vừa lui, ăn vào trong nhà và treo cao là cờ Pháp.

Sợ nguy, chàng cho vợ con lên của sau, theo đường núi lên trốn. Vừa xong thì quân cướp ù-ạt kéo tới, vây nhà. Súng nổ-huyền-thiên.

Sau ba giờ huyết-chiến, quân giặc thắng thế họ to:

« Các người đem nộp người vợ và lũ con hân, thì ta sẽ tha chết cho! » Một loạt súng đáp lại tai hăm dọa. Cuộc chiến lại tiếp-tục ác liệt hơn. Quân giặc reo hò vang trời, phá cửa vào cổng-đường của viên ngự-tiền hoa-tiểu.

Cửa lên gác vẫn giữ riết, nhất định không mở. Quân giặc liền phóng hỏa đốt nhà. Trên lầu, chỉ còn sót lại có ba người Hy-lạp cùng Prest. Thấy tình-thế nguy-ngập, họ bậm vào dãy kéo cò, in lạng lướt xuống đất phía ngoài, tìm được cách lặn-trốn qua dòng ruộng lênh nui. Thấy lâu không, quân giặc bậm hực, đi lùng bắt qua các bụi rậm hang sâu luôn trong 33 ngày trời.

Khốn nạn cho Brest! chàng và bọn tử-hữu không tìm thấy họ vợ con. Nàng ra đi, tay ôm đứa con nhỏ con đang bú, đứa con lớn thì nín vạy me lẻo đẻo chạy theo, trên những lối đi ruột đé hẻo lánh trong rừng núi. Lương thực không, chỗ trú không, ban đêm nàng như phát điên lên vì kinh-khủng mệt nhọc, đói, khát.

Trong hai ngày, nàng cố vắt sữa nuôi hai đứa con, để chúng cảm hơi khỏi chết đói. Ngày thứ ba, kiệt lực rồi và khát quá, nàng đánh bạo xuống cái giếng ở đầu làng.

Quần giặc rình bắt được, điệu xuống biển. Chúng bắt đầu hành hạ nàng.

Một là và hoàng - sơ, nàng tưởng thấy những mặt ma quỷ nhìn nàng tra hỏi.

Từng giọt dầu sôi thánh-thốt rơi xuống ngực nàng bị chúng cạo trần ra, để tra xem nàng gấu chống ở đâu!

Thì nàng có biết chống ở đâu đâu? Nền dờ bị hình phạt đau đớn đến đâu, nàng cũng không nói được nơi chốn nàng trú-ân. Tức mình, quần giặc xách hai đứa nhỏ đang khóc như mưa như gió, giữ giùm trần đầu cắt thành từng mảnh, nếu me chúng không chịu chịu khai.

Nhưng nàng biết cung khai thế nào? Sau cùng, biết rằng nàng quả không nói dối, bọn tướng cướp liền xông vào khu lảng hiu, quanh lạng-lẽ, bảo bọn chức-dịch rằng xếp đủ 6000 đồng bạc chuộc thì chúng sẽ tha người vợ và hai đứa con. Nhưng phải xếp ngay mới được.

Một người bị mất đi tìm Brest để báo tin. Rồi tên-nong thu xếp đủ số. Nhưng muộn quá rồi! Một tên cướp đã lột trần truồng nàng cùng con cái, đem vất bỏ trên bờ hoang-đảo Milo ở bên kia eo biển. Sau có người cứu vớt được me con nàng.

Trốn-tránh luôn trong một tháng trời ròng rã, một đêm kia Brest như người đau được đến Milo, gặp mặt với vợ con. Rồi cùng vợ con đi về sang đảo Siphnos bên cạnh, đáp một chiếc tàu ngoại-quốc về Constantinople.

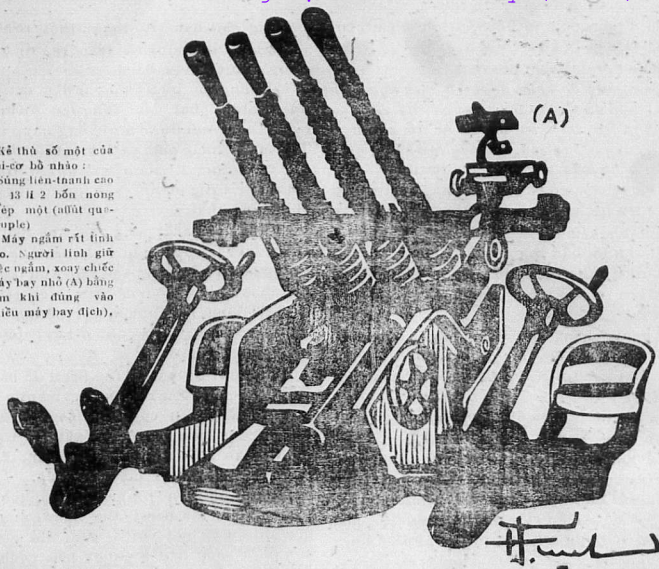
Đến nơi, chàng liền xin vào yết-kiến quan sứ thần Pháp, kể rõ tình đầu và đệ đơn kiến bọn cướp là thần - dân quốc-vương Constantinople đã dám xâm-phạm đến là cơ của Pháp-Hoàng.

Sứ-thần Pháp liền ra lệnh cho chiếc khinh-hạm tuần-tiêu các ngả, các biển hẻo-lánh. Thế rồi một ngày kia sao-buuyệt tại cướp ở đảo Milo bị khám phá. Quan quân bắn phá tan cả cái hang dung tự cướp bề.

Tất cả bọn bị bắt sống, xích lại, bỏ xuống hầm tằm đem về trao trả chính phủ Thổ, và dặn đi dặn lại rằng « phải cẩn thận kéo lại để xong ra như 17 tên cướp trước ».

Trở về Milo đóng đồn, Brest được chánh-thức bổ làm phó lãnh sự Pháp. Năm 1840, ông thất-lộ giữa sự tôn-kính cảm-phục của nhân-dân. Thì-thế ông chọn lại nhà thờ Plaka, ở giữa làng, tới nay vẫn còn chưa mất. Trại lại, sự-nghiệp và tiêu-sử ông còn phảng phất trong dân-gian cùng với cái tình-thần anh dũng vô úy của dân-tộc Pháp.

Kể thù số một của phi-cơ là nhào : Súng liên-phạm cho xạ 13 li 2 (tổng nòng ghép một (tối qu-duple))
Mây ngấm rất tinh sảo. Người lính giữ việc ngắm, xoay chiếc máy bay nhỏ (A) bằng kim khi đung vào chiều máy bay (ch),



HỘI - TỔNG THƯƠNG - THUYỀN

Trong thời kỳ chiến-tranh, nếu chỉ san-sóc đến việc sản xuất chiến-cụ, tích trữ lương-thảo mà không nghĩ tới việc vận tải các thứ cần dùng, hoặc chở khí-giới quân nư ra ngoài mặt trận, hoặc đem thực-phẩm, nguyên-liệu cần thiết từ ngoại-quốc về nước, thì công cuộc theo đuổi chiến-tranh cũng bằng thừa. Một nước mà nền kinh-tế bị lung lay trước cuộc phong-lỏa của kẻ thù thì không còn hồng nạm được phần thắng lợi. Bởi thế cho nên vấn đề thương-thuyền được các nhà cầm-quyền coi quan trọng ngang những cuộc hành-binh ngoài mặt trận và ngày đêm, các nhà chuyên-môn hải-quân khỏ tâm nghiên cứu những phương-pháp để bảo vệ cho tàu buôn được an toàn.

Đi lẻ loi bay họp thành đoàn, vượt muôn trùng biển cả, thương-thuyền sẽ phải gặp

Kính tặng Quan Tư A D, người đã từng chỉ-huy thương-huyền Pháp tại Địa-trung-hải trong thời kỳ chiến-tranh (1939-1940).

NGUYỄN HUỲN-TÌNH

những nỗi nguy hiểm gian-nan vì dọc đường, không những phải trông coi với sức giới như sóng cả, gió to, mà lại còn phải đối phó với những cạm bẫy của loài người đặt ra, mỗi ngày một tinh sảo hơn, gây thêm sự lầm than cho nhân loại.

Kể thù thứ nhất của thương-thuyền là các « tàu-o nổi » (corsaire de surface), khi là một chiến-dấu-hạm, khi là một tuần-dương-hạm, khi là một khu-trục-hạm, cũng có khi là một chiếc chiến-hạm phụ-thuộc (bâtiment auxiliaire) đứng đến dương phát hiệu bằng cờ, đèn, vô-tuyến-diện, hoặc đại bác (bắn một phát bằng thuốc không) bắt dừng lại để khám xét, nếu chịu phép thì tịch thu

tàu và hàng-hóa, nếu kháng cự thì bắn phá cho đến phải hàng phục mới nghe.

Kể thù thứ nhì là tàu ngầm. Khi dắc thế, trước một thương-thuyền đi lẻ-loi, thì tàu ngầm nổi lên bắn đại bác, hành động như tàu-o kẻ trên; lúc thất thế, trước một đoàn tàu buôn có khí-ới hoặc có chiến-hạm đi kèm thì lặn xuống, đi theo rõ mà phóng những quả ngư-lôi ác độc.

Hồi Âu-chiến (1914-1918) những tàu buôn chỉ phải đề phòng « tàu-o nổi » và « tàu ngầm ». Ngày nay lại thêm một kẻ thù thứ ba, nguy hiểm gấp mấy mươi. Kể thù đó là phi-cơ trận đủ các kiểu : phóng pháo hạng nặng, hạng nhẹ, chiến-dấu, phóng ngư-lôi, cũng có khi cả kiểu trinh sát và khu trục, xuất kỳ bất ý, từ trên cao bắn xuống, thả ngư-lò, ném bom, bắn súng liên-phạm, lúc ẩn lúc hiện, không tài nào mà lường được.

Đứng trước ba kẻ thù ghê-gớm đó, chẳng nhẽ các nhà chuyên-môn chịu bó tay để cho thương-thuyền làm mồi ngon cho ngư-lôi, bom và đạn đại bác.

Những bài học đau thương và đắt tiền hồi Âu-chiến, những tấn thảm kịch đã từng diễn trên Địa-tây-dương, Địa-trung-hải, Ấn-độ-dương, trong bốn năm trường, đã đem lại cho các bộ tham-mưu hải-quân trên hoàn-cầu biết bao nhiêu kinh nghiệm. Bởi vậy, ngày nay, phương-pháp bảo-vệ thương-thuyền dần chưa được hoàn-oãn cũng có thể tạm gọi là chu đáo trước sự tiến bộ không ngờ của kỹ-nghệ chiến-tranh được. Phương-pháp thứ nhất là cho tàu buôn mang đại-bác, súng liên-phạm để đủ khí giới tự vệ. Phương-pháp thứ nhì là cho thương-thuyền đi thành đoàn nhiều chiếc có phi-cơ và chiến-hạm đi kèm để phản-công những cuộc đánh úp ở dưới nước, trên giới.

Trong hai phương-pháp kể trên, phương-pháp thứ nhất đã làm tổn biết bao giấy mực trong các giới hải-quân, vì từ trước đến nay bao giờ vấn đề lắp đại-bác cho tàu buôn cũng là một vấn đề khó giải-quyết.

Cấp khí-giới cho thương-thuyền có nhiều điều bất tiện.

Điều thứ nhất là tốn cho ngân-quỹ. Những khẩu đại-bác mang đặt trên hư ng-thuyền thường là những đại-bác hạng nhẹ của thủy quân, nòng từ 37 li đến 127 li, qua các 47 li, 65 li, 75 li, 76 li, 88 li, 90 li, 100 li, 102 li, 105 li, 120 li. Cũng có khi đặt đại-bác hạng trung bình nòng 138 li, 140 li, 150 li và 152 li. Nhưng thường hạng súng này chỉ thấy trên những tàu buôn to, có tính cách quân sự, có thể dùng làm tàu tải quân (transport) hoặc tuần-dương hạm phụ-thuộc (croiseur auxiliaire). Những đại-bác thủy quân do đặt gấp hai ba lần những đại-bác đại-chiến (carons de campagne) và bộ hải-quân được neo căng vậy, bao giờ cũng nghĩ đến việc đặt khí-giới trên chiến-hạm trước việc cấp đại-bác cho thương-thuyền, không khi nào chịu hi sinh một món tiền khổng-lô để đặt súng trên công trình những chiếc tàu thiếu điều kiện chèn dẫu.

Thật vậy, các tàu buôn ít khi đủ diện-không máng được đại-bác to. Boong tàu không được học thép dầy. Bởi thế mỗi khi súng nổ, sự rung chuyển (soubre) có thể làm cho boong đổ cong lên hoặc rút, rách, rồi phải sửa chữa tốn tiền và tốn nhân-công. Không những thế, vấn đề đạn được cũng phiền phức lắm. Ít nhất, mỗi khẩu đại-bác cũng phải có một vài chục viên đạn. Đạn đó phải có hầm chứa riêng (scute) chứ không thể để phơi ra trên boong. Như vậy dưới sàn móng của thương-thuyền, một khi giấp trên, rồi chẳng may một viên đạn địch chĩa qua được boong, phá vào buồng đạn thì khó mà tránh được tai-nạn khốc hại.

Cho dẫu cho dộn boong trư dày thêm, đủ sức chịu sự rung-chuyển khi súng nổ, và làm hầm đạn cho chắc-chắn để phòng lúc giao-tranh tới vấn đề lắp đại-bác lên thương-thuyền cũng chưa hẳn đã giải quyết được. Lại còn phải mội lấy một đội pháo-thủ lạnh nghề trong các mạch-lò hàng-hải để điều

Một chiếc tàu chở hàng (cargo) sơn trá hình (camouflage) để tàu ngầm không nhận rõ mà ầm đánh



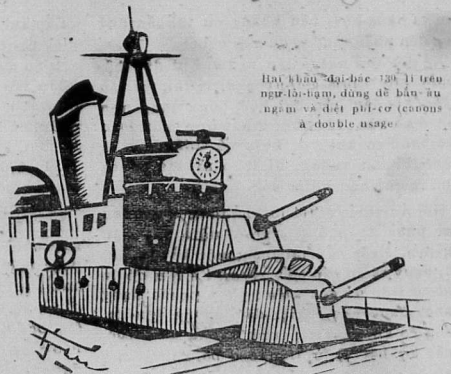
khện đại-bác khi hữu sự. Như thế, lại cần phải có một ít vũ-quan hoặc hạ-sĩ quan và thủy binh để cai quản đoàn pháo thủ, một điều mà bộ đoàn-mun hải-quân ít khi chịu vì số binh tương đối ngũ cần phải có mặt trên chiến-bạm hơn là có mặt trên thương-thuyền.

Bởi những điều bất tiện kể trên, thương-thuyền chỉ có thể mang một ít đại-bác thủy-quan vừa dùng đánh chiến-bạm vừa dùng đánh phi-cơ (canon à double usage). Những đại-bác đó nòng từ 37 li đến 138 li đặt đứng mũi hoặc đằng lái, có một băng thép che cho thủy binh (bouclier) bắn đạn đi xa vào khoảng mười lăm, hai mươi cây số. Tùy tàu to hay nhỏ, súng nặng hay nhẹ, số đại-bác mang đi từ một đến bốn, năm khẩu là nhiều lắm. Ngoài súng đại-bác, tàu buôn lại mang súng liên thanh hàng rặng, hai nòng (jume-lée), bốn nòng (quadruple) để đánh những phi-cơ tùy thời.

Với những khi giới được, liên thương-thuyền đi lẻ loi có hạn được địch thủ không?

Một điều chắc chắn là tàu buôn mang khi-giới không thể là địch thủ xứng đáng của chiến-bạm. Những đại-bác trên chiến-bạm, đặt trong pháo-dai (tourelle) vòm (casemate) bọc thép, được điều khiển có qui-cử, sẽ làm tê liệt cỗ: không-chiến rồi rạn của một vài khẩu thần công đặt lộ thiên trên boong thương-thuyền, không có gì bảo vệ tính-mạnh cho thủy-thủ, ngoài tấm thép mỏng dùng làm mục che đỡ mảnh đạn. Thế công dĩ kém, thế thủ lại càng kém hơn. Chặng chấp, đồ sộ, tàu buôn sẽ là địch dễ ngấm

Hải-khẩu đại-bác 138 li trên ngư-lôi-thuyền, dùng để bắn tàu ngầm và diệt phi-cơ (canon à double usage)



khí giáp trận. Không những thế, vỏ tên của thương-thuyền (tôle d'acier) thì bền bỉ sao bằng vỏ thép dày (blindage spécial) của chiến-bạm. Chiến-bạm có thể chịu đạn mà không đến nỗi chìm ngay, nhưng một khi bắn trả lại, nếu tên buôn bị trúng một vài phát vào vỏ, nhất là tại chỗ mắc nước (ligne de flottaison) thì nguy hiểm lắm. Nước sẽ do những lỗ thủng tràn vào, mỗi lỗ một nhiều, làm cho lặn không mấy chốc bị mất thăng bằng mà lật úp. Sự hơn kém quá chênh lệch về thế-thủ và thế-công khiến cho tự xưa đến nay trong lịch sử hải-quân người ta chỉ giữ toàn sự thất trận của thương-thuyền có khi-giới trước những «tàu ô rôi» hoạt động trên mặt biển và một vài khi nếu có bất phân thắng phụ, thì lại là tại gặp một tàu ô rôi hoặc tăng chiến-tạm phụ thuộc có sức mạnh tương đương.

Gần đây, chiếc «hiết-giáp-hạm hồ tời» (cuirassée de poche) DEUTSCHLAND của Đức đã đánh chìm chiếc tàu buôn mang khi-giới của Anh RAWALPINDI rất dễ dàng mặc dù chiếc thương-thuyền đó kháng cự rất kịch liệt. Lần khi-khởi gần đến một chiếc-hạm mạnh như chiếc DEUTSCHLAND mang đại-bác 280 li, một chiếc khu-trục-hạm có súng 130 li cũng đủ sức thắng một thương-thuyền mang đại-bác mạnh hơn.

Chịu thất bại trước chiến-bạm và những điều kiện của chiến-thuyền mìn, các thương-thuyền có lắp đại-bác liên có thể ngang nhiên cự địch với tàu ngầm, một kẻ thù lúc rồi thì

yếu hơn chiến-bạm, lúc lặn thì lại nguy-hiểm hơn nhiều.

Một vài việc xảy ra trên mặt biển đã tỏ cho biết rằng, đại-bác của tàu buôn lặn khi có thể đánh lui tàu ngầm được, vì xét ra khi-giới của hai bên cũng san sát nhau và thế-thủ hai bên cũng tương đương vì cả hai đều học bằng tôn thép mỏng. Kể chẳng lẽ là kẻ bắn trúng trước, khiến cho bên địch bị những vết thương nguy-hiểm. Vì những lẽ đó tàu ngầm rất thận trọng trong việc đánh tàu buôn. Nếu thấy tàu có khi-giới kháng cự, tàu ngầm sẽ lặn xuống để đánh bằng ngư-lôi, và nếu bất đắc dĩ phải đánh bằng đại-bác thì tàu ngầm lập tức dùng một chén thuốc rất khôn khéo. Tàu ngầm sẽ đi lặn-lở trên mặt nước (demi-plongée) thân tàu ngập xuống độ hai, ba mươi phân. Như thế, đại-bác của tàu ngầm vẫn có thể hoạt động được và nên nóng thế, tàu có thể lặn trốn trong giây lát. Không những thế, vì chỉ có một phần nổi lên mặt nước, tàu ngầm sẽ là một cái đích nhỏ, khó ngấm, lẫn với làn nước bạc menh mông.

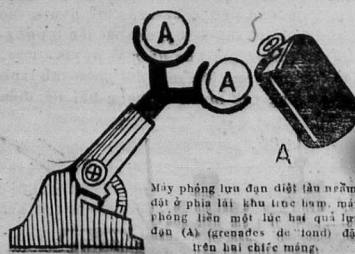
Lắp đại-bác cho tàu buôn, chưa hẳn là một phương-pháp ngăn ngừa tàu ngầm có hiệu quả. Phương-pháp đó lại nguy-hiểm là dễ khước nữa. Vì sợ bị thua, tàu ngầm sẽ không dùng đại-bác mà chỉ dùng toàn ngư-lôi, lặn xuống rồi phóng ra đánh phá. Những quả ngư-lôi dài tám thước, nhồi đầy chất nổ mạnh, có máy móc tinh vi, chạy nhanh bằng tám, chín mươi cây số một giờ, sẽ không tha thứ một chiếc thương-thuyền nào bị phóng trúng. Thương-thuyền xấu số đó sẽ bị chìm sau một tiếng nổ dữ dội và trong giây lát sẽ mang theo xuống đáy bể sâu vô số là tính mệnh và tiền tài. Đối với thứ khi-giới nguy-hiểm đó, tàu buôn không thể nào mà chống đỡ. Nếu may mắn trông thấy lặn nước trắng (sillage) do ngư-lôi làm sủi bọt bề khi chạy trên mặt nước, thì các viên thủy quân trưởng còn có thể bắt tay lái cho tàu đi ngoặt sang một bên mà tránh. Nếu chẳng may khi trông thấy mà đã muộn thì chỉ còn có việc tháo xuống và sắp

phủ phao cho nhanh rồi phò thác tính mệnh cho may-mỏi.

Tránh nạn bị ngư-lôi đánh bất ngờ, chỉ còn có cách làm sai lạc đường-ngư-lôi (trajectoire) từ tàu ngầm phóng ra. Cách đó là sơn kẻ lình (camoufler) tàu buôn, cho tàu ngầm không ngấm rõ, không đủ tài liệu mà bắn. (xem hình vẽ).

Muốn đánh một chiếc tàu buôn bằng ngư-lôi, tàu ngầm phải biết tàu đó định đi về phương nào rồi mới phóng ngư-lôi đến đâu mà đánh. Phép tính dựa theo vào một chiếc hình tam giác (triangle de visée). Một cạnh của hình đó là đường thẳng từ tàu ngầm đến tàu buôn. Một cạnh là đường đi rồi cho thương-thuyền bắt đầu hiện trong viên kính (periscope) của tàu ngầm đến chỗ thương-thuyền gặp phải quả ngư-lôi phóng tới. Cạnh thứ ba của hình tam giác là đường đi của ngư-lôi chạy đến phía thương-thuyền (trajectoire). (xem hình vẽ)

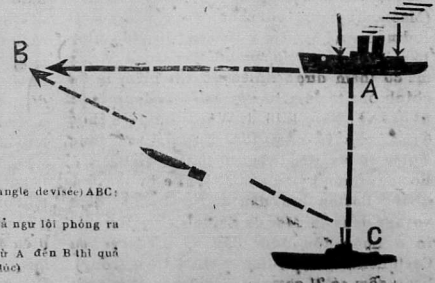
Viên chỉ-huy tàu ngầm có thể tính được cả ba cạnh đó vì viên quan ấy biết phương hướng tàu buôn đi (sens). Biết rõ tốc độ tàu (có quyển sách riêng «carnet des silhouettes» để nhận rõ tất cả các tàu trên thế-giới), biết rõ sức nhanh của ngư-lôi. Viên hàng-trưởng tàu ngầm chỉ cần tính sao cho trục khi-giới song song ngư-lôi (ube) đến lúc gặp tàu địch, quả ngư-lôi sẽ đi mất một thời gian bằng với thời hạn từ khi thương-thuyền mới bị trông thấy cho đến lúc bị chạy đến chỗ sẽ bị nạn. Như vậy, nếu một trong ba tài liệu đã ngấm bản (élemen de tir) bị thiếu thốn thì quả ngư-lôi không thể đi trúng đích được nữa. Tài liệu đó là chiều đi (sens de marche) của thương-thuyền. Nếu đem sơ tra hình vẽ (xem tiếp trang 23)



Máy phun lửa đạn diệt tàu ngầm, đặt ở phía lái khu trục hạm, máy phóng liên tục lực hai quả lựu đạn (A) grenades de l'ouï đặt trên hai chiếc mìn.

Hình tam-giác để tính tầm phóng ngư-lôi (triangle de visée) ABC:

A — tàu buôn
B — chỗ tàu buôn sẽ đi tới và sẽ gặp quả ngư-lôi phóng ra
C — tàu ngầm
(nếu tính đúng thì khi tàu buôn chạy từ A đến B thì quả ngư-lôi cũng chạy từ C đến B, cũng một tốc)



Nói thêm về cuộc
giao-thiệp giữa

JOHN WHITE, NGƯỜI MỸ

người Anh, Mỹ
và nước ta

dấu tiên đã để
chân lên đất Việt-Nam

HỒNG LAM

Trong một bài đăng trên tờ báo này, bạn Đào Trinh Nhất đã nói đến cuộc giao-thiệp giữa người Mỹ và nước ta và nhắc đến việc các tàu Hoa-kỳ đến hải-cảng nước ta vào năm 1832 và 1836 dưới triều Minh-mạng. Và rồi chúng tôi nhận khảo cứu về Saigon cổ có được đọc qua bản dịch tập ký-sự của một người Hoa-kỳ tên là John White đến nước ta vào cuối năm 1819 và đầu năm 1820, dưới triều vua Gia-long, đang trong tập ký-yêu của hội Đô-thành hiền-cổ xuất bản vào Juillet — Août năm 1925. Vậy xin thuật thêm cho tập tài liệu về việc giao-thiệp giữa nước ta và Anh-Mỹ được đầy đủ hơn.

Xem trong lịch-sử nước ta thì trước năm 1819, chưa có ai nói người Hoa-kỳ nào đến đất Việt-nam vì thế chúng tôi mới cho John White là người Mỹ thứ nhất đã giao-thiệp với nước ta. Trước khi nói đến tập ký-sự của người Mỹ đó, cuộc hành trình từ Mỹ sang ta và thời-kỳ lưu ở nước ta, chúng tôi tưởng nên giới-thiệu với độc-giả John White là tác-giả tập ký-sự đó.

John White sinh năm 1782 ở Marblehead (Massachusetts) có chân trong hội « East India Marine Society » từ ngày 10 Sepembre 1806. Việc đầu-tên của hội này nhờ J. White mà có thêm được nhiều đồ vật hiếm lạ do chính ông ta đem từ các miền mà mình đã đi qua về. Năm 1816 J. White được lên chức Trung-úy và năm 1837 được thăng chức Thiếu-tá và đến năm 1840 thì từ trần ở Boston. Cuốn ký-sự của J. White in lần thứ nhất ở Boston dưới đầu đề: « Histoire d'un voyage dans la Mer de Chine », lần thứ hai in ở Luân-đôn dưới đầu đề « Voyage en Cochinchine » (Du lịch ở miền Đàng-trong) Sách gồm có 21 chương, 3 chương thứ nhất

Tay vậy, tác-giả không phải chế hân và ác cảm hân với dân Việt - nam vì về nhiều phương-diện như về kỹ-nghệ đóng tàu bè và nghề hàng-hải tác-giả lại khen người mình quá lời là khác. Tập ký-sự của John White dẫn sao cũng là một tài-liệu rất quý giá cho những ai muốn khảo-cứu về lịch-sử và xã-hội Việt-nam về đầu thế-kỷ 19 sau khi vua Gia-long đã thống nhất nước Nam và dân ta đã tiếp xúc nhiều với người Tây phương.

Cảm-tưởng của người Mỹ đầu tiên đến nước ta đối với dân ta

Ngay khi hai chiếc tàu Mỹ chở John White đến Ô-cáp rồi vào cửa Cáp-giờ định theo giong sông Donnai lên Saigon đã phải gặp nhiều nỗi khó khăn vì các quan ta lên khám tàu rồi lại không cho phép các tàu đó đến bến Saigon. John White thuật lại rằng các quan ta hỏi đó đã không giúp đỡ cho các tàu Mỹ được việc gì, lại hết sức làm khó dễ và lừa dối họ là khác. Sau khi các quan ta hứa sẽ cho phép, các vị đó lại tìm cách lừa cho người Mỹ bỏ tàu lên bờ để tìm cách chiếm lấy tàu của họ. Cuối cùng vì không được phép cập bến Saigon, các tàu Mỹ phải ra tận Huế để xin phép nhà vua. Vì thế mà sau khi ở Huế vào Nam, các tàu Mỹ lại phải đi vòng qua Phi-lật-tân trước khi về tới Saigon.

Trong tập ký-sự để lại, John White đã tả rất kỹ thành-phố Gia-dinh dưới triều Gia-long, nghĩa là khi còn nguyên tòa thành do đức G-a-long ra lệnh cho viên đại-tá Pháp Victor Olivier vẽ kiến và xây nên từ năm 1790. Thành này đến năm 1835, sau cuộc nổi-loạn do Lê-văn-Khoài đứng đầu đã dẹp yên, vua Minh-mạng đã ra lệnh phá đi và xây tòa thành khác tức là tòa-thành bị người Pháp chiếm cứ năm 1869.

Tòa thành chỉ đứng vững ở Saigon trong khoảng 45 năm do (1790-1835) đã sống lại trước mắt ta khi ta đọc tập ký-sự của người Mỹ J. White. Cả quang cảnh miền Bến Nghé dưới triều vua khai-sáng nhà Nguyễn cũng được nói đến kỹ. Nhưng tài liệu đó không

thể nào tìm nơi khác có được. Cả thành-phố Saigon hồi này đến ở trong tòa thành cổ bằng gạch hình vuông chu vi độ 2,500 thước tây, mỗi mặt có hai cửa ra vào. Tất cả lầu đài, dinh thự như Hoàng-cung, cung của Đông-cung Thái-tử, các dinh của quan Trấn-thủ, của các quan Tổng-đốc, Bố-chính, An-sát, các kho tàng nhà vua đều ở cả trong thành. Còn thị-trấn ngoài thành thì gồm có độ 40 phố mở thẳng rộng từ lễ đến 20 thước tây hoặc chạy dọc bờ sông hay lập thành góc thước thợ với bờ sông. Saigon hồi này cũng như ngày nay ở trên hữu-ngân sông Donnai giữa rạch Thị-nghê (Avalanche) và rạch Bến Nghé (Arroyo-chinois). Trong thị-trấn có nhiều đồng lầy và hai con sông đào chảy sâu vào giữa thành-phố.

Ta hãy nghe J. Waite tả thị-trấn Saigon hồi đó: « Các đường phố mở đều và chạy gặp nhau thành góc thước thợ, một vài phố khá rộng. Phía tây có hai cái chùen lớn; nhưng người Nam còn có nhiều đền chùa khác ở trong khắp các phố. Giữa thị-trấn là nhà thờ đạo Gia-cô có hai vị cố đạo người Ý ở đây và số dân theo đạo khá nhiều. khắp miền lục-tỉnh có độ 70.000 và riêng tỉnh Donnai cũng có 16.000 người theo đạo.

Gần bờ sông có nhiều nhà gạch đỏ. Đó là các kho chứa lúa gạo, dọc quyền của nhà vua, nhân dân không ai có phép được xuất cảng lúa gạo cả, kể nào phạm luật sẽ bị tội tử-châm.

« Phía bắc thành-phố, trên một khoảng rộng độ 3/5 dặm vuông có một cái nghĩa-trang lớn toàn là mã người Tàu xây hình tượng ngựa, xung quanh giồng (tên cây Kê, Cây này nhiều đường phố cũng có giồng nên các phố trông có vẻ như những đường thông cũ ở Paris. Phía đông-bắc, trên bờ một con sông sâu (arroyo de l'Avalanche) là xưởng đóng tàu chiến và xưởng chế binh-khi cho thủy-quân xây theo lối chỉ dẫn của các võ quan người Pháp. Trong xưởng có hai chiếc thuyền kiểu Âu-châu. Các vật liệu đóng tàu và gỗ lạt thì rất nhiều và tốt không dân

FILM, KINH, GIẤY

A'NE

Sắp tới, xin các hiệu ảnh các tỉnh cho biết ngay địa chỉ, để dành (réserver) hàng trước - Đức Tháng 10 80 rue des Médicaments Hanoi - vente - achat des produits et accessoires pour Photo Japonaise.

bằng. Gắn đầy lại có 150 chiến thuyền nhỏ đồng rất đẹp, mỗi cái dài từ 40 đến 60 peds và mang độ 16 tạ-bác bần đạn nặng độ 4 đến 12 livres đúc toàn bằng đồng. Trên mặt sông có độ 40 chiến-thuyền đang dự bị tập trận cho Phó-vương (tức quan Trấn-thủ) xem ».

Về tài đóng tàu chiến của người Nam, là những thợ đóng tàu giỏi, và công việc họ làm rất tốt. Nhờ người Pháp chỉ bảo họ rất tiến bộ về kỹ-nghệ đóng tàu chiến. Người Nam lại học cả nghệ xây-pháo-dài, thuật đánh trận và các kỹ-nghệ cơ quan hệ đến chiến-tranh nữa. Điều này đủ tỏ ra rằng người Việt-nam vốn thông minh phải hèn kém. Theo trong lịch-sử và theo các tập ký-sự của các nhà du lịch ngoại-quốc để lại thì dân Việt-nam nếu ở dưới một chính-phủ tự do và công bằng thì tinh thần rất tốt, họ hay tiếp đón người ngoài tử tế, lễ phép, niềm-nở, hăng-hái, lương-thiện và chăm chỉ. Xứ Nam-kỳ, (có lẽ tác giả muốn nói nước Việt-nam) có lẽ là nước ở Đông-phương có địa vị tốt nhất để mở mang về hàng-hải nhờ vào vị trí của nước đó đối với các nước khác, nhờ vào việc nước đó có thể tổ-chức một đội hải quân mạnh một cách dễ dàng để hộ vệ cho nền thương-mại và cũng là do nước ấy có những cửa biển tốt và do các đức tính tốt về hàng hải của dân ở các miền duyên-hải, dân này có thể trở nên những thủy binh tốt chẳng kém gì các thủy-binh người Tàu ».

Theo lời J. White thì thị trấn Saigon trước kia ở ngay đầu phía tây thị-trấn mà ông trông thấy. Chỗ đó hiện lúc đó gọi là Saigon cũ. Các nhà cửa ở khu đó có vẻ cổ hơn và làm cao hơn. Một vài phố trong thành-phố cổ đó lát gạch còn hằn tầu đất đã thì chạy dọc bờ sông dài tới gần 1 dặm. Chỉ có thành, tường đồng tầu là ở về phía đông nhưng từ sau khi các cuộc nội loạn (Tây-sơn) đã yên thì nhân-dân mới tràn sang phía đông và ở sang cả bờ sông bên kia vì thế mà thị-trấn mới gồm cả thành-trị vào trong. Từ phía tây thành-phố, có một con sông dài vừa hoàn thành. Sông này dài tới 28 Anh-lý và do sông đó có thể thông ra một nhánh con sông Cao-miền tức là sông Mékong. Sông này rộng độ 80

mỗi peds dài độ 32 phân tây
mỗi lre nặng độ nửa kilo

pieds và sâu 12 peds, phải dùng tới 26.000 phu chia thành từng bọn, làm suốt ngày đêm trong 6 tuần-lễ mới xong. Có 7.000 phu bị chết vì quá mệt hoặc vì bị bệnh. Hai bên bờ sông đều có giếng cây.

Tác-giả lại không quên xét cả đến y-phục phụ-nữ và tinh-tinh của nhân-dân trong xứ nữa. Dưới con mắt người Mỹ J. White thì « về y-phục người bản-xứ của dân ông và của dân bà đều gần giống nhau. Phần nhiều các thiếu-nữ có nhan sắc, một đôi người lại rất đẹp là khác, nhưng chỉ đẹp trước khi răng, môi và lưỡi họ vì ăn trầu mà thành có vết bầm. Bầm sinh ra thì họ vẫn để trông nhưng các thói quen ở bản đã làm cho họ xấu thêm và đôi cả hình dạng. Đến năm 30 tuổi, họ đã không có gì đáng yêu và năm 40 thì thực là xấu xí. Chỉ những phụ-nữ về hàng thương-lưu biết ăn ở sạch sẽ và tự trọng thân mình thì mới giữ được trẻ trung và sắc đẹp cho đến khi đã đứng tuổi.

Còn tinh-linh dân trong xứ thì phần nhiều thích dùng xảo-trá hơn là can-dảm. Họ cho rằng « khôn ngoan là cách tổ-lòng can-dảm tốt hơn hết ».

Tác-giả lại nhận thấy trong thành phố có rất nhiều ăn may và cầm-tưởng của J. White đối với các đám đông người Nam gặp ngoài phố không có gì là tốt đẹp lắm. Theo lời tác-giả thì dân số Saigon và Chợ-lớn hồi đó đã có tới 180.000 người, trong số đó thì 10.000 người Tàu. Nhưng theo những tài-liệu chắc chắn hơn thì dân số Gia-định vào hồi đầu thế kỷ 19 chỉ độ 50.000 người chia làm độ 40 xóm ở xung quanh thành, về phía Đông-Bắc thành có một xóm giáo dân theo đạo Gia-lô ở xung quanh nhà viên Giám-mục coi cả xứ đạo miền Nam-kỳ nước ta. Con số sau này có lẽ đáng sự thực hơn vì ngày nay nghĩa là sau 123 năm dân số Saigon, Chợ-lớn cũng chỉ trên dưới nửa triệu. Tuy J. White nói không thể buôn bán và làm gì được ở Đông-duong nhưng ông cũng vẫn chú ý đến sản-vật và nền kinh-tế trong xứ.

Nhắc lại việc người Mỹ đầu tiên đến nước ta và cảm-tưởng của người Mỹ đó đối với dân ta, chúng tôi có ý muốn để các bạn biết qua dư-luận hoàn-cầu đối với tình hình nước Việt-nam hồi đầu thế-kỷ 19, là hồi nước ta đang giữ được nền độc-lập.

HỒNG-LAM thuật

TRUYỆN NGẮN

của

LE TAM-KÍNH

thuộc t i ề n

Trời đã xế chiều. Bóng hang rào dầm bụt thấp dần choan ba phần tư sân và dương hồ về phía thêm một cách mau chóng. Ánh sáng yếu ớt của mặt trời sắp lặn thốc mách dọi vào mấy gian nhà trống trải, tối tăm. Nhà cao ráo, rộng rãi, khác hẳn những túp lều lụp sụp cạnh bên. Nhưng cái vẻ bề đặc của nó cho ta biết rằng chủ đã sa sút lắm rồi. Mái tranh



xám đen sừng xuống nhiều chỗ. Trên ngạch môn, long cả mọng, không còn một cánh cửa nào. Vách đất tróc hết cả vôi da thường từng đám to, pho pho xuống tre tiền tuy. Những cột gỗ khá lớn bị một đục loang lỗ mất hẳn về trên tru thời xưa. Bàn thờ, một cái án thư cũ rích, đặt ở gian giữa, sau bức sáo rách toang, cạnh buồng ngủ. Bỗng được ngăn riêng bởi

những tấm phên kết lại. Ở đó, kê một cái giường tre, mà một phần thò ra ngoài, vì phên hơi ngắn. Ở gian bên kia, mấy cánh cửa vẫn dột ra lấm phần, nằm trên mấy hòn đá to. Một cái võng gai rách mắc chéo ngang từ tróc cột này tới đầu kèo kia. Và trên võng một người đàn ông ru con.

Đứa bé nằm lọt trong lòng võng, trên một manh iã bần-thêu, hồi hăm, may bằng những tấm dẻ khác màu chập vào nhau. Cặp môi nó mấp máy hút sữa trong giấc mơ, hai tay nó nắm chặt, hai chân nó gác lên đùi bố. Bố nó đạp nhẹ xuống đất miệng lại nhai há. Giọng hân khản khản, buồn bã nhịp theo tiếng kẹt-kẹt đều đều, hòa vào bầu không khí tẻ ngắt của mấy gian nhà trống, rồi lại dần, tắt dần như giọng ve sầu. Mặt bầu hơi vác lên, mắt rươn rươn, dầm dầm trông ra, như đương theo dõi một hình ảnh xa xôi. Hân không nhìn con, không hề ý đến lũ ruồi bám vào khoe mắt đứa bé. Mà nếu có nhìn, hân cũng chẳng thấy gì. Bởi hân mù.

Hân là con một của sơ ma ông Hương Bạt. Thật ra thì hân cũng nhiều anh chị. Nhưng anh chị hân đã chết cả, chết ngay khi mới đẻ,

— Cảm cái nỗi lại, qua bên cụ Chánh đặt tạm vài chục đĩa, sau này, chưa chi để nạn nước mắt ra!

Hai tháng sau, Quê lành bệnh về nhà, nhưng cặp mắt thì hờ hắt, không chữa được nữa. Thật là chua xót, cái cụt một ngón chân, mang cái tên Quê xấu xí, mà lại mất đi hai con mắt! Trong thời kỳ hàn nham nhà thương, vợ bầu phải làm một con trâu và mẩu ruộng còn lại để chạy tiền thuốc thang, trang trải công nợ cho hẳn. Thế mà vẫn chưa đủ, còn gán thêm nỗi niềm, máu hàn, quần áo, thậm chí đến cái hương-án, bộ tam-sư cũng để cho chủ nợ xiết đi; vợ-ông chồng ông Hương Đat ở dưới suối vàng chắc tử nhục lắm lắm. Bấy giờ thì gia-lai thật khảnh kiệt, còn tro bả gian nhà trống tiền tuý. Cũng may mà chị Quê khôn ngoan, không gặt nốt đám vườn. Chị biết rằng nó có thể cứu sống gia-đình chi với những cây ổi đào, những gốc khế ngọt, những buồng chuối mật và những luống rau dền, rau cải, rau cần. Cho nên những mảnh khỏe, những lõi đồ dành, những câu băm dọ của bọn chủ nợ tình ranh không dứt nổi bát cơm cuối cùng của nhà chị.

Chị lại là một người khoan-dung hiem có. Sau cái tai nạn về này, chị có quyền ghét chồng, giận chồng, ruộng bỏ chồng. Thế mà không. Thấy chồng tàn tật,

chị yêu mến, chị thương xót hơn xưa. Trong những bữa cơm chiều, hoặc giữa đêm khuya khoắt, chị kiểm lại âu ủi chồng: «Thôi, trời bắt rằng chịu rứa, đừng buồn bã mà hư người đi, lữ đăm ra ốm thì khổ to. Không mần được chi thì ở nhà hồng con, càng khổi tốn tiền nuôi đũa ở. Ngoài ra, đã có tui, đã có cái vườn; nếu trời cũng dương còn kẻ kiếm ăn, chưa đến nỗi cùng cực mà mà sợ.»

Quê bùi ngùi cảm động, tự trách mình đã làm khổ vợ con. Giá có cách gì khiến hẳn sang ra, hẳn sẽ bỏ hết tính xấu xưa, cố gắng làm việc, không quản khổ nhọc, không kể đêm ngày, làm việc để chuộc tội lỗi, làm việc như con trâu kéo cày trả nợ. Hẳn hối hận quá chừng, nhưng sự hối hận bao giờ cũng hơi chậm!

Từ đó vợ chồng hai hắt cùng nhau, nghèo nàn, nhưng yêu nhau hơn trước. Vợ đi làm suốt ngày, chồng

+ HỒI THUỐC, HỒI THUỐC +

Y-si Lê Văn Phấn, tốt nghiệp trường Cao đẳng y học, lâu năm kinh nghiệm trong các nhà thương lớn, chuyên khám cứu thuốc Nam, Bắc, có một vị hào chế sự và một vị danh y nhỏ học phụ giúp, đã soạn và dịch hết các bộ sách thuốc Đông Tây ra quốc-ngữ. Y-si lại biết nhiều phương thuốc hay và rẻ trị các chứng bệnh, nhất là bệnh ở phổi, và da da đây. Vây ai muốn hỏi bệnh, hỏi thuốc học thuốc, mua sách-Đông Tây y học (15), nam nữ và sản phụ (15) xin cứ M. LÊ-VĂN-PHẤN — *médecin civil* N° 18, rue Ba-vi Sonlay—Toukoin

ở nhà giữ con, chăm-sóc con như một người đàn bà chu đáo.

Thằng Quật thừa dạy trên võng, uốn mình cạy cựa, gio lên khỏi đùi bố hai bàn chân đỏ hồng hồng, chỉ có chín ngón, ngón thứ mười ngắn lùn lùn trông rất buồn cười. Quê dương lên miên nghĩ tới quả-khê, bóng tỉnh giấc mơ, quay cổ, sờ mặt con, giữ chân con, lên giọng khàn khàn hát. Chợt hẳn thấy nóng ở về, một giòng nước từ võng chảy xuống, về lên mặt đất một đường ngang thẳng thắn. Hẳn đứng chân đạp, khê xích ra, cau mặt rươn mồ cạo mắt không-ngươi, mắng con: «cha ui!»

Chị Quê rón rén đặt gánh củi ở sân, rón rén đi vào, phì cười, vội lại ôm con dạy:

— Hử hử, con tui đẩy ướt quần bố rồi. Hử hử, con tui hư quá. Hử hử, đáng đòn quá — Hử hử.

Chị hôn con chần chừ, hử hử luồn miệng trong khi Quê rãnh tay, nắm nhai ra võng nghĩ lung.

Lại ngồi trên bộ phận «cánh cửa», chị Quê vạch vú cho con bú, giở miếng về phía chống, bấu bấu mách:

— Bô Quật nì, nghe nói ở chợ Si có ông thầy thuốc tài lắm.

Quê nhồm dậy:

— Thầy thuốc chữa mắt à?

Nhà sản-xuất lớn các thứ đồ dệt (PULL'OVERS, CHEMISETTES, SLIPS, MAILLOTS V.V...) chỉ có

HÀNG DỆT PHÚC-LAI
87 - 89, Route de Hué, Hanoi — Bán buôn
khẩu Đông Pháp áo tốt không đũa sánh kíp

— Chưa đủ các binh tạt, giỏi như tiên. Đợi quá, ốm đau đều chữa được hết. Thiên-hạ đồn như rì rì: Ông đồ nó phúc đức lắm, một bữa đi chơi ở cảnh rừng cạnh làng, gặp một ông tiên cho quyển sách thuốc, bảo đưa về coi đó mà chữa người. Ông đồ theo đúng lời dạy trong sách, chữa được vô số là người.

— Họ đoán nhầm, chắc chắn chỉ là tui.

— Bậy mà, tui nghe người đi chợ về khen um lên, mười lời như một. Chính cụ Tú Trần làng ta vừa ở tỉnh về qua đó thấy người đông như kiến, cũng dục tui đi lấy thuốc cho mau.

— Rứa à? Nhưng sự tiên thuốc đất quá thì chịu.

— Không lo, ông y nhàn-đức-lam, ai trãi mặt cũng lấy không chê ít chề nhiều chi cả.

— Quý hóa hử, rứa bữa mỗ đi?

— Mai, mai nghĩ việc rừng, đem đi năm hao lấy thuốc.

— Nhiên rứa! Lỡ không lành bệnh mà mất tiền tài ư?

— Tầm bậy! rằng lại không lành? Thuốc tiên mà chữa không lành à? Bô hẳn có biết chuyện Lục-vân-Tiên không?

— Có, Lục-vân-Tiên mù, nhờ tiên cho thuốc chữa sáng ra, rồi thì đồ Trạng-nguyên, ai mà không biết!

— Ủ, phải đó. Rồi chị cất tiếng ngâm:

«Đoạn này đến lúc thái-lai,

«Vân-Tiên khi trước ở nơi

«Quê cao hứng ngâm theo:

«Đem năm thấy một ông

«liên,

«Đem cho thuốc uống tỉnh
«liên mắt ra.»
Cơm tối xong, vợ chồng đi ngủ, khắp khối mừng thầm, trông cho mau sáng để đi lấy thuốc tiên.

Trên con đường thiên-lý, chị Quê cảm-ở bước. Chưa bao giờ chị đi lạnh như thế, chị đi mãi, đi mãi, không biết mỏi, không biết khát. Dọc đường, chị gặp nhiều người cũng đi lấy thuốc như chị, chị vui về nhập bọn với họ, càng vững tâm hơn. Non trưa, chị tới nơi. Một ngôi nhà đồ-xò hiện ra, đứng sừng-sững bên bờ. Theo lời người xung quanh, thì đó là nhà của một phú-ông mới dựng để đền ơn thầy thuốc đã cứu mình khỏi mù.

Chị chen qua lớp người lúc-nhức trước cửa, hi-hục mới lách được vào trong.

Một cụ già ngồi trên sập cao, mình mặc áo vàng rộng, mặt hồng-bào, phúc-hậu, bộ râu bạc như bông dài chấm bụng, tay cầm quạt lông phe phẩy, xem chẳng khác một vị tiên giáng-thế.

SẮP-CÓ-BẢN:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

từ «Thiếu quê hương»

Gần 500 trang

Ấn toàn công phu

Bản thường 4\$50

Bản quý 20\$00

ANH - HOA

69, Rue du Carbon Hanoi

Thư và tiền để tên ông!

MAI VĂN PHÚC

Gai sự lạ, kể kể sự tình. Thấy thuốc chăm chú nghe, gặt gủ:

— Ủ, để là cứu chủ

Ông yea ông ạo, thờ tay vào một cái bao to để bên cạnh, kéo ra một gói thuốc nhỏ và một lọ nước chong, trao cho chị, bảo đem về hòa mà uống.

Chị sung sướng ran lên, quên cả trả tiền, quên cả cảm tạ, lách-ra, đi một mạch về nhà. Chị đi như bay, như gió thổi, như có tiên đưa. Về nhà vừa quá trưa, chị mới thuốc, đồ cả vào bát, đưa cho chồng. Ở bát thuốc bốc lên một mùi thơm ngát, tỏa khắp nhà. Quê bưng bát, nốc một hơi, mồ bắt mắt ra, cặp người sáng suốt như khi chưa mù. Chị Quê mừng quá, reo lên.

Chị rứa, chuyện chi rứa, mệ Quê?

— Ủi chà, hử hử, chiêm-bao, tui nằm thấy...

— Thấy chi? Thấy chi?

— Thấy bố hẳn uống thuốc sáng mắt ra.

— Thì tui cũng-rứa, vừa bưng bát thuốc lên miệng thì mệ hẳn van lên, làm tui choáng giáy.

Vợ chồng rầm-rì, kể chuyện mộng mị cho nhau nghe, thấy hơi giống nhau, thì chắc rằng thế nào cũng «tinh mắt ra».

Nương hôm sau, uống xong gói thuốc nằm báo ở chợ Si, Quê vẫn tàn tật như trước. Và giấc mộng tốt đẹp của vợ chồng hẳn không bao giờ thành sự thực vì thời này không phải thời Lục-vân-Tiên, không có thuốc cứu được những người mù tí.

LÊ TAM-KÍNH

Quỳnh Như

KỊCH THƠ CỦA PHAN KHẮC-KHOAN

(Tiếp theo)

Quỳnh-Nương

Thấp thoáng kia như có bóng ai ?
Em em nghe động tiếng vãn-hải ;
Phải chăng ?

Hắn thế còn ai nữa :

Cái nhỏ bằng khoảng rốn mả ngoài.
Thôi, lẽ làng rồi những ý triền ;
Người thơ ắt hẳn đã bay linh ;
Đêm nay thôn thức đánh theo mộng :
Mai mả dĩa ơi hồ bóng xanh.
Chỉ thoáng lem qua một ý nông,
Mà rang rang cả sợi tơ đồng ;
Rồi đây khúc nhạc c loàn-cầu nổi,
Cổ hồ bằng chàng lóng lỏi lóng ?

Mai mả dĩa ơi hồ bóng xanh,
Đàn đàn ngày trước mộng gươm linh ;
Ngày nay sao vọng trên hồ biếc,
Anh nguyệt cỡi sóng say ngấn thủy-ình,
Ngày nay, ngày hay chỉ đắm thơ,
Mơ rồi mơ nữa mơ rồi mơ ;
Hình ai thắm dệt nên giai ảnh,
Lòng rồi say sưa rốn mả từ.

Phạm Thái (Hồi hện)

Hồ quá lóng trai ý sỏ sàng,
Lơ sa sao chước được tiếng đoan-trang ?
Quyết gìn giữ mãi niềm thanh nhã,
Sao bước qua đây ? - thẹn với hàng !
Thôi thế ngày mai sẽ tạ từ ;
Lời thơ hiềm lại ý trong thư
Gửi lời khước-các dung cho với...
Anh nguyệt kia gieo mả thảo-lư.

Say rốn lòng ta trăng hời-trắng ?
Đêm nay hôn chắc gối cung Hằng,
Thuyền bèo vo đến bờ nghiêng bóng
Không biết giờ đâu nổi gió dâng ?

Một phút trông nàng một giấc chiêm,
Ý trời đàn rỗi duyên ôi duyên ;
Mộng này nổi lại mơ xưa cũ,
Chỉ cả tình sâu thẳm ước nguyện :

Mộng trước bao lâu xa rất xa,
Mộng này gang tấc bóng tiên nga ;
Giống thơ không lẽ xuống men đầm,
Mộng nợ đàn thêu mộng ấy qua.
Đêm nay thôn thức trăng quanh hiên,
Giấy mực chờ trăng tuôn mây thiên...
Cổ hồ phồng vãn trong từ báo :
Trăng vàng e cũng rang trong nghiêng.

Quay hải trở lại chốn thu-trang,
Nguyệt tư phòng khuất nguyệt cưỡi sang ;
Ta trôi từ thư trong ánh nguyệt :
Ý nông trao gió dọi hạnh-lang...
(Phạm-Thái đi)

Quỳnh-Như

Trần trọc hai canh nguyệt sắp tà,
Hoa lồng ánh nguyệt, nguyệt soi hoa
Nguyệt hôn nghiêng xuống dần non biếc,
Hoa bước lên thềm xem ý ta.

Tao khách vờn qua một phút thôi,
Phút giây gieo mả ý bồi bồi ;
Mà trăng mấy thuở trăng tâm sự :
Mặt trăng trăng dĩa từ mả từ.

(Quỳnh-Như đóng cửa)

Thôi khép phòng xuân, trăng mặc trăng,
Bên vườn trăng có chiếu ai chăng ?
Ước gì soi được gần gương nguyệt,
Sẽ thấy hai... hai... chiếu bóng bằng !
Thôi thế trăng ơi, mặc ý ngoài ;
Xin đừng chiếu nữa đèn thư-trai ;
Biết rằng có bóng ta trong đó,
Trăng sẽ lồng chung ta với ai ?

Thôi mặc trăng ơi rải bóng ngoài,
Hồn trăng khi khuất nẻo thiên-thai ;
Ai đành trông thấy gương ngà tái ?
Cả bóng mình ta, ôi mả mai !

Trăng sáng, trăng mờ, trăng mặt trăng !
Đêm nay ý rợn thềm cung Hằng !
Vị bằng hai ý cùng chung thềm,
Nguyệt diện rồi đây ngọt gió Hằng.

Cổ lệ trắng ngoài dĩa xóa tan,
Hiên hoa thoi về bóng lan-san ;
Phòng xuân riêng ý người khước-nũ
Với bóng trăng mà thanh-thổ thanh.
Vị nền trắng không rốn mả ngoài,
Chiếu từ khước-các đến thư-trai ;
Thị vãn-hải chẳng gieo trên cát,
Cát động làm ta trông thấy ai.

Ta vẫn trầm-ngâm giữ ý triền,
Và tuy giây phút thoáng qua nhanh ;
Nhưng tôi hoa ấy, tài hoa ấy...
Với dáng dang kiều dãi rốn-thai.

Em quá lóng ơi phút gọi đầu,
Phút này như hẹn thắm mả sau !
Nhưng ngày mai ấy, ngày mai ấy,
Ai tỏ lòng cho... nên biết chưa ?

Bằng khuê long chỉ thấy bằng khương,
Nữ tử như xen với nữ nhương ;
Duyên ấy biết rằng duyên có bên,
Giờ đây rốn rả sông lòng dang.
Thôi biết đâu mà nghĩ vãn vôi,
Nghĩa duyên cảnh ngộ nguyệt vương to ;
Trăng ngoài xin có em đêm tối,
Phòng vàng giờ đây rốn ý mả.

Trăng vàng tuôn lên trăng,
Hồ trong soi bóng Hằng ;
Tao-nhân cùng mặc khước
Duyên trời vương hay chăng ?
Hương bay vì hoa lay,
Đêm sáng lồng bóng nguyệt ;
Lòng rung theo ý trẻ,
To say cùng thơ say.

Trăng khuyết đường Thiên-thai,
Bóng hoa tan mả ngoài ;
Ngày xưa trong giấc mộng,
Bên vườn thơm hoa mui...
Ngày nay trăng mệnh mang,
Em em tuôn hạnh-lang ;
Phòng khước nghĩ sao rục,
Vãn bằng dư âm vang...

Trăng em em,
Trăng em em,

Trăng tắt mà như nguyệt tỏ rằm ;
Hồn ta đầy những đường-trăng rằm,
Thôn thức hai-văn gói nhẹ mềm...
(Đèn trong phòng Quỳnh-Như tắt.)
(Còn nữa)

PHAN KHẮC-KHOAN

L'ACTION MORALE

Nhà in T. B. L. V. có mặt ban
quyền L'ACTION MORALE do nhà
Học-Chiến-Hung-Dương-xã-hội
Giả mỗi quyển 4\$15 - Được phí 0\$37 -
Không nhận gửi định hòa giao ngân 4\$35



TU SÁCH TÂN VĂN HÓA

DO NHÀ

HANTUYEN

phát hành

71, Tiền Tân Hanoi

Mỗi cuốn:

Giá: 2\$20

Nguồn gốc văn minh

Quyển II trong bộ "Nhân loại tiến hóa" của NGUYỄN BẠCH KHOA

ĐÃ XUẤT BẢN: NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ

(1 bộ) của NGUYỄN BẠCH KHOA

ỐC KHOA HỌC

(2 bộ) của P. H. KHUÊ

ỐC TIẾN LOẠI NGƯỜI

(1 bộ) của NGUYỄN ĐỨC QUYNH

Đời sống thời cổ

(2 bộ) của NGUYỄN ĐỨC QUYNH

Hoa một cuốn gửi tiền trước, thêm 0\$40 cước

DANH RĂNG BÀNG

SAVON DENTIFRICE

KOL

RĂNG CÁC BÀ SẼ
TRONG NHƯ NGỌC
TRĂNG NHƯ NGÀ

DISTRIBUTION:

S.A. Poinson & Veyret
Saigon, P. Penh, Hanoi, Haiphong

LÊ-VAN KHÔI

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT CỦA HỒNG-PHONG

(Tiếp theo)

Khôi bắt thư vào thành rồi hạ lệnh cho quân-sĩ hoãn việc công phá thủ thành, để chờ trả lời. Phước-Bảo ở trong thành thấy vậy, bèn lợi dụng thời-cơ, nhất lần hẹn lửa, hôm nay nói rằng xin để cho thư thả suy nghĩ, ngày mai lấy cờ dò xét lòng quân, vì có một vài phần kháng kháng quyết chiến, nhưng bề nào rồi cũng gian xếp xong. Kỳ thật Phước-Bảo không chịu đầu hàng, chỉ hứa hẹn lần-lữa, đợi viện-binh từ phía ngoài sắp đến.

Đến ngày thứ sáu, Khôi lại bắt tin vào thức-giục. Phước-Bảo liên-chúng không kéo dài hạn được nữa, liền viết thư trả lời, buộc giấy tờ trên mặt thành thả xuống. Trong tờ giấy chỉ có tám chữ « Không hàng phần-lực, có đánh thì đánh », tỏ ý cương-quyết chống cự đến chết thì thôi, không khi nào thành-trị quân-sĩ triều-định mà lại đầu hàng Khôi là kẻ phản-lặc.

Như Châu-Da bị K-Đông-Minh chọc tức, Khôi nổi giận điên-cuồng, lập tức truyền lệnh cho mấy nghìn quân-sĩ bốn-bộ và cư-dân các làng xung quanh, khẩn-cấp làm hai vạn cái sọt đan bằng mây, có việc quân-dùng, hẹn đúng giờ Ngọ hôm sau phải nộp đủ số.

AI nấy học-tức làm theo tướng-lệnh, nhưng không đoán ra chỗ dùng làm gì.

Đúng hẹn trưa mai, có đủ hai vạn cái sọt. Khôi kiểm-điểm qua toa, rồi lại ra lệnh thương-khân cho quân-dân lấy đất, đá hay cát, đổ vào những sọt ấy cho đầy, phòng khi bất kỳ dùng đến.

Buổi chiều hôm ấy và suốt cả ngày hôm sau, quân Gia-định bắn vào, quân Tam-tinh bắn trả hàng-hải; hai bên cứ giao-chiến nhất-giờ như thế tho, có nhiều trong thành binh-lực ít, không dám xông ra, nhưng vẫn ở ngoài, cũng không bày đủ đồ bị công hãm kịch-liệt. Gần tối, quân ngoài im hẳn tiếng súng, lại làm ra vẻ thủ-độn đồ đạc, súng ống, gươm đao, như sắp sửa bỏ đi vậy.

Tối lại, trừ ra trước mặt các cửa thành và mấy chỗ xung yếu, còn thấp thoáng có bóng-quân vây bọc, nhưng không đóng đặc hàng trước; còn nhiều khoảng hở bỏ trống hân, khiến cho quân-lính trong thành càng tin rằng quân Gia-định tự giải vây đã rút đi phần-phần rồi. Có lẽ chúng biết cứu binh ở Khánh Thuận vào đến nơi, sợ bị ngoài đánh tới, trong đánh ra, thì phải thế núng, mà biết thân lui trước đó chăng?

Nhưng, thật sự chúng có tháo lui đi đâu và cũng chẳng có bóng viện-binh nào sắp đến. Nửa đêm, Khôi cho quân-sĩ ăn uống nài-nit hẳn hơi, truyền bảo ai nấy biết ba nơi mà họ cùng dân-đinh phải khiêng những sọt đất kia đến, là chính cửa tiền và hai góc đông nam và tây bắc. Cần nhất là hai góc này, quân-sĩ phải bán-thân xuất lực, còn chính cửa tiền chỉ là hư-vững, thì để cho dân-đinh.

Trước khi quân-sĩ ra tay, Khôi đứng nói khuyến-khích mấy câu và dặn dò phương-luận luôn thể:

— Ta cùng các người sẽ quyết vào thành Biên-hòa tăng-sáng nam, đó phải bước qua đàng thủy, lại qua núi, chúng ta cũng cứ việc vào. Các người nhớ nghe lời ta căn-dân nghe: Hồi trống thứ nhất, thì phải xếp những sọt đất ở dưới chân thành cho xong; qua hồi trống thứ hai thì tuốt gươm reo hò mà leo bừa lên, chỉ có tiên chủ không lui, nghe không? Sống-cứng sống, chết-cùng chết, có ta chia phần gian-nan với, các người đừng lo!

Nhiều người ứng thanh nói:

— Xin vâng theo lệnh nguyên-soái! Hễ đưa loa trước chấp-chờn muốn lui, thì đưa sau cứ việc chém chặt mà lên!

— Ừ! làm-trận phải thế mới được!... Khôi nói và đưa ngón tay lên ra hiệu cho viên giám-trà nổi trống.

Tức thời, những tiếng trống đại-cổ nổi lên, như sấm sét vang động, xé toang bầu trời linh-mịch.

Quân-sĩ dũng được làm trận, ai nấy ganh đua hàng-hải tạ thường. Phần nhiều là hạng lính trai tráng và mới tinh nguyên nhập ngũ, đang sôi máu chiến-dấu, chả coi nguy-hiểm ra gì.

Chưa hết hồi trống thứ nhất, ở hai góc đông nam và tây bắc, những sọt đất đã xếp đồng cao gần bằng mặt thành.

Nghe bên ngoài bỗng có tiếng người reo trống thúc rầm rầm, quân trong thành biết mình bị giặc công phá. Nhưng ban đầu Phước-Bảo dẫn quân chống giữ mặt tiền, vì tưởng binh giặc cốt đánh chính-diện, cho nên cứ họ quân nhà bán riết vào những bóng đèn nhấp nhô đang lu-lu tiến gần đến cửa thành. La thay súng càng bắn giã, những bóng ấy cứ lảng-lặng tiến vào càng gần.

Chúng ta đoán cũng biết đây chỉ là dân-đinh phụ-cận, mà Khôi dùng khiêng vác những sọt đất tới cửa thành mặt tiền, như kế-hoạch đã định, cốt làm tầm binh-phong cho mắt Phước-Bảo không thấy sự hành-dộng cốt-tử đang diễn ở chỗ khác. Dân-đinh mỗi người có một cục đất, tay súng trong thành bắn ra dữ dội, họ không tổn-thương và cứ việc tiến.

Đến khi Phước-Bảo thấy hai góc đông nam và tây bắc nguy hiểm, dời quân tới phòng thủ thì đã hơi muộn.

Giặc đang ồ-ạt nổi nầu trèo lên mặt thành, như kiến vỡ tổ. Quân Tam-tinh ở trên cao đánh xuống, rất là đắc thế, lại cụ-chiến hết sức dũng cảm nhất là ở góc đông nam; đến nỗi có nhiều người tráng mấy vết thương ở



cánh tay mà còn đủ sức ôm lấy ngang lưng binh giặc, quăng xuống dưới đất huỳnh huỵch, và cựa nào hồ thò đầu lên là chặt phăng cựa bấy. Có giây phút binh giặc đã chùn lại, không dám tiến nữa.

Nhưng họ nhớ lại mấy lời chủ-tướng vừa bảo ở chỉ có tiền, chứ không được lùi, khiến cho khí thế ai nấy bỗng trở lại mạnh mẽ hơn phần. Họ găm thật xé dây nầu cứ tiến bừa lên. Mỗi người cầm thấy sau lưng mình như có mũi gươm đâm chĩa vào, nếu lùi thì chết. AI nấy hóa ra phần chân, dũng mãnh,

người nọ bị thương ngã xuống, liền có người kia nối gót trèo lên ngay.

Quân hai bên hò hét rầm rĩ, tiếng gươm đao chạm phau chao chát, nẩy lửa. Một lát, nghe ở cửa tiền có tiếng loa truyền gọi:

— Anh em Gia-định ta có lên, nguyên soái ta đã trèo lên địch-lầu đây rồi!

Thì ra Khôi thừa cơ Phước-Bảo rút hơi quân-linh ở cửa tiền đi chống giữ hai mặt kia, đã dùng những giây thừng một đầu có móc sắt, tung hồng lên cho móc bám lấy rìa thành, rồi chính mình treo gươm can đảm, miêng ngậm bảo-kiếm, hai tay nín giây, mà trèo lên thoăn thoắt. Năm chục tên thân-binh trông thấy thế, cũng đua nhau lên theo, lấy sức một chọi mười, đánh tan được quân thủ-thành và chiếm lấy địch-lầu.

Quân-sĩ đang chiến-dấu ở hai góc thành, nghe tin nguyên-soái đã phá vỡ cửa tiền, càng thêm hùng hổ, sấn lên mặt thành, quăm

ĐÃ CÓ BẢN KHUẤT NƠI

QUỐC MỸ TỰ

Tổng phát hành: Tamda et Cie - 72, rue Vieille Hanoi Tel. 16-98 - Cần thêm nhiều đại lý các tỉnh

tiền tiền rất lịch-sự và hợp thời-hoàng, sẽ thay cho giấy chấp-chờn đáng lúc giá cao gấp bội.

© 1930

phần-hoạt một chế theo phương pháp học có tính cách giáo dục một tuần tuổi mới sinh.

23

đoàn tàu đi xa bờ biển, ngoài phạm vi của phi-cơ tuần-tiểu duyên-hải, thì thường có hàng-khoáng-màu sắc đi theo để tăng lực-lượng. Ngoài những chiến-hạm to nhỏ, người ta lại thấy xuất hiện những xuống phòng-ngư-lôi để đánh hạ-một đội nhẹ (flottille légère) và phi-cơ địch. Những xuống đó được đem dùng ngay sau khi phi-cơ STUKAS (JUNKER-JU-87) bỏ nhào của Đức đánh phá các thương-thuyền bằng bom và súng liên-thanh. Các phi-công theo lý luận đã cho máy bay nhào thấp, lượn qua các cánh giấy vô tuyến điện mà đến gần liên-thanh xuống buồng tàu, bay thấp đến nỗi các súng đại-bác cao-xạ của tuần-duơng-hạm hộ tống đánh chặn không hoạt-động được. Với hai cỗ súng liên-thanh bốn nòng (ensemble quadruple) xuống phòng ngư-lôi là một kẻ thù cho các máy bay trong vòng một hai cây số.

Sau khi xem qua lực-lượng hộ tống, ta hãy xét cách hành-động của lực-lượng đó trước quân thù.

Gặp tàu-ô nổi, lập tức các tàu chiến hộ-tống dàn thành thế trận (formation de combat) một mặt chống cụ, một mặt kềm các thương-thuyền ra ngoài vòng chiến cho khỏi vướng tầm đại-bác. Cuộc thủy chiến có khi lại là thủy-không-chiến diễn ra sẽ có ảnh hưởng đến sự « còn, mất » của đoàn tàu buôn đang mãi miết chạy về nơi cần-cứ, gặp tàu ngầm nổi thì chỉ một loạt đạn phóng cũng đủ bại quân thù. Nhưng tàu ngầm rất tinh khôn, không bao giờ hiện lên mặt nước. Khi đó những khu trục hạm phải đẩy đến các vết khả nghi trên mặt biển. Những vết do ống viễn kính (periscope) của tàu ngầm nhỏ lên mặt nước độ 10 phần, rẽ nước ra trắng xóa, sẽ không sao che được mà các thủy binh đứng trên trời cao của chiến-hạm. Một khi nhận thấy quân địch, khu-trục-hạm mới hết tốc lực đâm vào, nếu đâm trúng thì tàu ngầm sẽ vỡ tan, nước bề tràn vào, gặp chất acide trong các hòm điện (accus) sẽ phát ra những hơi chloro ghê gớm, tác tử khiến cho thủy binh và sĩ quan chiến-tàu ngầm bị vừa chết ngay lại vừa chìm.

Khi không trông thấy tàu ngầm, chiến-hạm cũng có thể ước tằm ngầm đó xa hay gần bằng những máy nghe rất tinh sắc (détecteur). Nghe thấy tiếng chân vịt khả nghi, lập tức các khu trục hạm chạy vòng

trên ốc (spirale) từ chỗ tiếng phát ra mà lượn ra ngoài vừa chạy vừa ném những quả lựu đạn diệt tàu ngầm « grenades anti-soumarines ». Một thủy quan Pháp tên là GUIRAUD đã sáng chế ra thứ khí-giới ghê gớm đó. Tròn và dài như chiếc thùng đựng đất đèn, trong nhồi chất nổ mạnh (fulmi-coton, tolite, cheddite, lydite), những quả lựu đạn đó đặt hai chiếc một trên hai cái mòng có gong cắm vào miệng một khẩu súng nhỏ. Súng nổ, chiếc gong có hai chạc mang hai máng để lựu đạn bắn tung qua đuôi tàu, rơi xuống nước (xem hình vẽ). Lựu đạn xuống nước, tùy theo máy vận riêng (dispositif de réglage) sẽ nổ ở chỗ nông hay sâu, cốt sao là nổ trúng huy gần tàu ngầm địch. Nếu bị trúng, tàu ngầm không thoát khỏi chết. Nếu ở gần chỗ nổ (zone de déflagration) tàu ngầm sẽ bị thiệt hại rất nhiều (vỡ nứt rạch, điện tắt, kính vỡ) vì sức chuyển động. Lắm khi bị vướng thương quá nặng, tàu ngầm đành phải nổi lên, hoặc hàng phục, hoặc kháng cự cự nhân lấy những viên trái-phá cuối cùng kết liễu cuộc đời nổi chìm ngang dọc.

Nếu lựu đạn không trúng được tàu ngầm, điều đó cũng không sao và cuộc săn đuổi cũng không phải là vô ích. Bị đánh gập, tàu ngầm sẽ không dám nổi lên.

Chạy dưới bề, tàu ngầm sẽ dần dần tổn hết điện từ accu phát ra quay động cơ và khi sức điện đã hầu tàn thì tàu ngầm bắt buộc phải nổi lên, chạy máy DIESEL để hồi lại sức điện bị hao mòn lúc trước. Nổi lên mặt biển, tàu ngầm sẽ chịu bộ tay trước đoàn chiến-hạm súng ống sẵn sàng.

Nói tóm lại, đi thành đoàn, tàu buôn tránh được cái nạn bị tàu ngầm ngang nhiên đánh phá như khi đi lẻ loi. Một vài khi, dọc đường đoàn tàu bị ngư-lôi địch đánh chìm đội ba chiếc cũng không đến nỗi thiệt thòi, tại hai hàng cứ một chiếc đi là một chiếc mất. Vả chăng một số dòng tàu đi trên biển khơi đầy cam bầy, thì tránh làm sao cho không có chiếc bị ớn thương.

Đối với chiến-hạm và tàu ngầm, các đoàn tàu buôn có hộ tống, đã sức vự và đánh lui quân địch. Đối với phi-cơ trên đi từng đoàn hay đi lẻ loi, đoàn tàu buôn đó cũng có thể kháng chiến mãnh liệt để tránh bớt sự thiệt hại do bom đạn gây ra.

Một khi phi-cơ thù xuất hiện tại phía chân

Hãy im đi những kẻ ích kỷ, những kẻ lười biếng, những kẻ chể bai.

giới, kèn động thổi vang, những đại-bác cao xạ, nặng nề, những súng liên thanh chĩa tua tủa lên không trung, đội cho quân địch bay đến đứng tằm là nhả đạn. Trên giới, bao bọc lấy hạm đội và đoàn tàu buôn là một bức tường thép, lửa, khói của đạn cao xạ ngăn phi-cơ địch không cho bén mảng đến. Súng bắn càng dữ thì phi-cơ địch càng phải bay lên cao. Như thế sự ném bom có phần sai lạc. Người ta tính đồ đồng rằng tất cả các cao-xạ, trên một chiếc chiến-hạm tính trung bình có thể che cho chiếc tàu đó trong một khoảng hai cây số vuông.

Xem như thế, lực lượng hộ-tống thương-thuyền rất cần những khi máy bay đến đánh phá và những cuộc tấn công vô hiệu quả của phi-cơ xuống các đoàn tàu buôn trên Đại-tây-duơng và Địa-trung-hải đã tỏ rõ ích lợi của phương-pháp cho chiến-hạm đi kèm các thương-thuyền.

Nói đến hộ tống thương-thuyền, ta không nên quên địa-vị quan-trọng của phi-cơ. Phi-cơ phóng pháo, ném bom đánh chiến-hạm địch, phi-cơ khu-trục đuổi máy bay thù, phi-cơ tuần-tiểu, tại mặt của đoàn tàu, lượn trên không trung, xem xét các dấu vết khả nghi trên mặt biển, dùng súng liên thanh, đại-bác nhẹ (20 li, 25 li, 37 li) và bom đánh những tàu ngầm đã ống viễn kính đang lập lo trên mặt nước.

Tại những biển ít sóng như biển Adriatique, máy bay có thể nhìn thấy tàu ngầm lặn dưới mười thước nước và xuất kỳ bất ý dùng bom đánh chìm tàu đó trước khi viên hạm-trưởng tàu ngầm được trông rõ kẻ hại mình.

Máy bay làm mang máy phun khói đen (appareil fumigène) giống những máy đặt trên khu-trục-hạm để che cho đoàn tàu trước cuộc tấn công của hải và không-quân địch.

Sau khi xem những lực-lượng hộ-tống thương-thuyền ta nhận thấy các nhà chuyên môn hải-quân nghĩ đã chu đáo lắm. Nhưng với những khi giới tự vệ tối tân, đoàn tàu buôn cũng vẫn có thể bị bên địch tàn phá, nếu bộ tham-mưu hải-quân và các thuyền

trưởng tàu buôn không biết trọng hai điểm: « kín đáo làm việc » và « trọng kỷ luật lúc đi đường ».

Kín đáo làm việc: Bộ Hải-quân sẽ giám kín tên các tàu buôn và bến đậu, dò xét các thủy thủ khả nghi có thể là gián điệp ngoại quốc, không công bố ngày, giờ và hành trình của đoàn tàu, cốt để quân địch không dò tằm liệu để tổ chức những cuộc đánh úp. Cả đến lực-lượng đi hộ-tống cũng không cho biết, để che mắt quân thù.

Trọng kỷ luật khi đi đường: các thuyền trưởng tàu buôn đều phải tuân theo mệnh lệnh của quan chỉ-huy đoàn chiến-hạm vì thế lắm khi người ta thấy những Chấn-tàu già đời trong nghề hàng-hải thương-thuyền, cái nghe lệnh lệnh của những viên Thiếu-tá Trung-tá trẻ tuổi.

Khi đi đường, ai nấy phải đi đúng chỗ đã định trước. Ban đêm đèn lửa phải của thận để tránh những cuộc tấn công của phi-cơ và chiến-hạm địch.

Không một chiếc tàu nào được chạy ra ngoài hàng ngũ và cần nhất là không được một chiếc nào vì có riêng đứng lại giữa đường. Nếu cần các thuốc men vật dụng thì đã có những phao phao hoặc những thùng thiết tải này ném xuống bề để cho chiếc kia vớt lên dùng. Nên cần nói chuyện thì đã có cờ, đèn và vô-tuyến-điện. Dân có một chiếc bị tàn ngầm đánh sắp chìm, các tàu khác phải lặn cho được kẻ thù trước khi nghĩ đến sự cứu-hộ. Sở dĩ có huấn lệnh như thế là vì hồi Âu-chiến (1914-1918) hải-quân Anh bị mất liên một lúc ba chiếc tuần-duơng-hạm tại Đại-trung-hải. Đó là những chiếc HOGUE, CRESSY và ABOUKIR đã lần lượt bị tàu ngầm của Đại-tá Đức WEDDINGEN phóng cho ba quả ngư lôi đánh chìm trong khi định cứu nhau lúc hoạn nạn. Bài học đắt đó vẫn còn được nhắc tới sau gần ba mươi năm giới và sau ba mươi năm đó, nếu khi giới có tình sảo hơn, chưa chắc loài người đã khôn hơn xưa vì trí khôn dân phải là sự nghiên-cứu các cách phá hoại những công cuộc có ích cho nền văn-minh của nhân-loại.

bài và tranh vẽ của
NGUYỄN HUYỀN-TINH

CHUNG QUANH

Đã đánh, báo đó là T.B. C.N. Nhưng hợp thời ra sao? Người ta báo số nào của nó cũng hợp thời cả, vậy ta biết lấy số nào ra mà nói? Mọi số báo hợp thời đều không thể chọn. Nhưng mấy bạn

MỘT SỐ BÁO HỢP THỜI

đồng-nghệp ở đây đã chọn họ chúng tôi. Đó là số « Chuột ».

Hưởng ứng với số ấy, đầu tiên có một bản thông-tin, một sáng chủ nhật, cho một ông phóng-viên đi tìm chuột về viết một bài phóng-sự về họ hàng nhà chuột. Viết cả về chuột sống và chuột chết. Chuột chết thành rồi bọ có một mùi không thơm lắm, ông phóng-viên của chúng ta không cần gì. Cứ có phóng-sự là được.

Không đã. Một ông đồng-nghệp khác, ra hàng tuần nghĩa là cứ vài tháng lại ra một số văn-chương trác-tuyệt—cũng có cho vào giữa những câu văn « thì xã » một bài văn có vẻ lắm—« A tưởng là gì, chứ ăn thịt chuột thì chuột có gì là lạ cả. Người ta ăn chuột ở những vùng như quê ». Ông đồng nghiệp thứ hai của chúng tôi nói thế. Không chịu kém, một ông thứ ba, cũng ở cùng quê. Ông ta không biết trong sự ăn thực ra sao, không rõ một thứ thịt gì ăn cũng được vụng có như ngon, và có thể không ngon (thứ thịt gì không ngon, ông bạn đồng-nghệp của chúng tôi

có nhũ ý không nói rõ). Đó, đại-khải ba ông bạn đồng-nghệp hưởng-ứng với chúng tôi như vậy. Số « Chuột » chẳng nói, như thế, chẳng cũng là hợp-thời đó sao? Cảm ơn. Cảm ơn. Cái loài chuột kết chặt tình của bốn bạn đồng-nghệp ở đây vô tình giúp ích cho loài người—dầu sự giúp ích đó mới

ở trong một phạm-vi chật hẹp. Đó thật là một việc đáng mừng. Bởi thực sự, lúc trời sinh ra giống chuột, từ đó bao giờ nghĩ để chúng giúp ích cho loài người mình đâu. Trá lại.

Cứ thế thần thoại thì giống chuột đã có ngay từ khi có loài người. Đó là một giống vật trời sai xuống để trị tội những kẻ gian tà trên thế giới.

Giả sử chép rằng: Xưa kia, vào thế kỷ thứ chín, vua Ba Ban Ta Poriel vốn là vị hôn quân chỉ đem mẹ tức sủa và bắt dân đóng thuế cực nặng. Dân đã nhiều lần nổi loạn để đánh đổ nhà vua. Về sau bị ám sát trượt mấy lần, vua Poriel muốn tránh sự công phẫn của dân và sự tức giận của Trời, Đấng, bèn chọn hoàng gia đến ăn ở một cu-lao trong hồ Goplo. Vài hôm sau khi vua đi ăn rồi, những người đánh cá ghé vào cu-lao trong hồ, thấy sắc vua Poriel đã bị chuột gặm hết. Nếu không có mã binh-

thiến bằng vàng chuột không gặm được, có lẽ không ai còn nhận được là... thánh thể.

Đến vì vua kế vị là Poriel II cũng phải chịu một số phận chuột hại như thế. Vua này vừa lên ngôi liền sai bắt những người đã khờ lộn ở triều trước, đầu để lột cả, đoạn đem sắc quăng xuống hồ Goplo. Nhưng bảy chuột lại có đầu hiện ra không hiểu, cứ từ ở cu-lao giữa hồ lấy những sắc nỏ làm cầu kéo nhau từng đàn từng lũ vào bờ, xông tới hoàng cung, tìm vua Poriel II mà gặm cắn. Một lúc sau, nhà vua chỉ còn là một nắm xương gãy vụn.

Lại ở bên bờ sông Rhin, thổ dân bày giờ hầy con kờ lại một câu chuyện lạ lùng về Tháp Chuột. Nguyên về khoảng năm 1000, đức giám-mục thành Mayence là Hatto có bao nhiêu thức ăn dân cấy được đều thu sạch. Đi dân đe dọa, Hatto đánh lừa dân vào một kho thức ăn phóng hỏa cho chết hết. Bảy giờ những bảy chuột lại có đầu hiện ra. Hatto sợ quá phải chạy trốn vào một cây tháp ở giữa sông Rhin. Song những bảy chuột vẫn không tha. Chúng kéo nhau bơi qua sông dưới theo Hatto rồi tộn thắp rồi gặm gãy cửa vào tim cho kỹ được Hatto. Kể cực Hatto bị chuột ăn mất sắc. Từ đó cây tháp bị bỏ hoang. Người ta gọi là Tháp Chuột. (1)

Mấy câu chuyện chuột này, hai số chuột của T. B. C. N. không nói đến. Đọc bài của ông bạn đồng nghiệp chúng tôi, xin thú thực đã rớt mình. A, tưởng là gì, chứ người ăn thịt chuột thì không có gì

lạ cả. Thú thực chúng tôi rớt mình vì tưởng ông có tài làm báo. Nguyên có một bài báo lấy, trước đây có nói về nghề làm báo thế này: phàm lấy tin mà ông thấy con cho bị xé ó-lô chết chết thì đáng viết cho độc giả xem làm gì. Ông chỉ viết khi nào thấy con chó chết chết cả ó-lô. Như thế mới là làm báo đó.

Vâng, mới đọc thấy câu « Tưởng là gì, chứ người ăn thịt chuột không có gì là cả » chúng tôi đã tưởng ngay rằng ông ta sẽ kể cho nghe ít chuyện chuột ăn thịt vua chúa đời xưa, như đã thuật trên kia, hay ít ra cũng là một đôi ba câu chuyện mới về chuột ăn thịt mấy nhà báo làm điều, mấy nhà văn có mui nước mui hay lắm lắm, chẳng hạn...

Không ngờ, ông bạn đồng-nghệp chỉ nói rằng thôi, nghĩa là chỉ báo rằng người ăn thịt chuột không có gì là cả. Ở nhà quê, người ta ăn thịt chuột là thường lắm.

A, tưởng là gì. Chứ nếu phải thế thì chúng tôi đã nói rồi. Chúng tôi không những nói rằng chỉ những người nhà quê ka mới ăn thịt chuột mà thôi. Ngay ở Âu-Mỹ người ta cũng ăn thịt chuột. Cái hương vị của thịt đó như thế nào, chúng tôi không biết. Nếu cần, ta phải hỏi mấy ông đã xơi chuột rồi.

Nhưng đó không phải là điều cốt-yếu. Cái cốt-yếu là thịt chuột ăn vào có việc gì hay không? Chúng tôi nghĩ rằng thịt chuột ăn cũng chẳng sao. Nhưng cần phải có một điều kiện gì mới được.

Đó là điều kiện về sinh. Bởi vì chết một nỗi là bảy giờ người ta vẫn minh. Vì vẫn minh, biết gìn giữ vệ sinh, nên trâu bò trước khi giết thịt đều phải đem xuống lò sát sinh để cho các thú ý khám nghiệm. Trâu bò có bệnh, vứt đi, kẻo mà ăn vào bụng thì mất xác. Ra số báo về chuột, nói về việc người ta man trá thay thịt chuột vào chuột bị thịt lợn để làm phở, ba lê, xúc xích v.v... chúng tôi không ngại gì, muốn người ta nghĩ đến cái mạng của đồng bào. Lúc này bệnh dịch hạch phát lên ở nhiều nơi trong nước. Chuột tất có nhiều con mắc bệnh. Nếu người ta cứ làm thịt chuột bừa bừa đi, ngộ phải con bị bệnh dịch hạch thì sao. Vậy thì, nếu ông thích xơi thịt chuột hay thích gì, tùy ý.

Nhưng đã báo cho người ta ăn, ông cũng nên nghĩ đến sự vệ sinh chuột. Ông phải nói rõ ta—thịt chuột để cho những người không quen ăn thịt chuột đừng ăn: đó là điều kiện về luân lý. Sau

nữa khi mở chuột, ông cầu phải cho những con chuột ăn ông đi vài miếng cá, đừng cho chúng nó đói. Thế là ông có thể trở nên một người lương thiện và không đầu độc đồng bào vậy.

Ông bạn đồng-nghệp, của tôi ơi! Ông chú nên sự, vì thế mà loài chuột không sinh sản kịp để cho giống người chúng ta xơi thịt.

Chúng ta đã biết số chuột sinh sản mau chóng như thế nào. Một nhà chuyên môn ngồi tính thấy rằng: Một cặp vợ chồng chuột sinh nở hôm lễ nguyên đán, rồi con đẻ ra cháu, cháu đẻ ra cháu, chất đống ra chất và oán oán và oán oán, đến ngày 30 tháng chạp, tính lại tổng chi học thức của ông cụ ba cụ họem đầu năm nhưng nhảm tới hơn ... một triệu !

Ông bạn hân gien lắm. Ông tất cũng như anh hàng phở nọ sẽ không lo thiếu chuột mà ăn nữa. Tuy vậy, muốn ăn món gì cũng được: chuột sống, chuột bần mồm, chuột bỏ lò... Lúc nào ông cũng có để mà xơi, xơi thừa thừa.

Ngay xưa chuột ăn thịt người. Bảy giờ ông ăn thịt chuột lại, ấy là ông trả thù loài chuột cho chúng tôi.

Chỉ xin cần thận, cho xuống lò sát sinh khám đạt.

NGUYỄN VĂN-HOÀ

BÀI CỎ BÀN:

NGHÌN LẺ MỘT ĐỀN

Quyển hai 150 trang gá 2p50
Bốn dịch giá trị, đầy đủ và cặn kẽ như nguyên-văn (đúng một nghìn lẻ một đêm) của Tsin van Lai. Quyển 1 chỉ còn một ít—giá 2\$10

Cùng một loạt đã có bán:
Thứ đùng nôi của VÕ LAM—giá 0p60

HÃY ĐÓN:

Tây sương kỷ

(Có phụ-cả lời phê bình của Thánh Thán—in năm 1 q. 10. Một công trình dịch thuật năm năm của NGUYỄN TỐN.)

Một quyển sách có thể nói là vĩ đại nhất từ xưa đến nay ở xứ này. Bấy giờ Ng. 700 trang, khổ 16x24, in tại nhà in Nam Ng. (1922).

Số 6 ban văn đầu thư Quai-Vi (1933).
NHÀ XUẤT-BẢN TÂN-VIỆT
N° 29, RUE LAMBLLOT—HA NOI

(1) Theo France Magazine—Đông Cung.

Côi là người Bắc

TRUYỆN DÀI CỦA VÔ XUÂN TỬ
(Tiếp theo)

ĐOẠN THỨ BA

Trận mưa đêm nay đem lại cho mọi người giấc ngủ ngon. Cho những người già già, chàng chàng suốt ban ngày với mây hôm trước đây, người ít trẻ đã chứng gỏi muốn đốt cháy hết dân chúng Saigon. Ai ai cũng phải lên vì nóng bức. Đường cái hồng rẫy, ở nhà cửa, ở đồ đạc, ở quần áo mình này, chỗ nào cũng tiết ra khí nóng. Nhiều người xoay tròn ra quạt luôn tay, vẫn không chịu được. Thế mà đêm nay, người ta ngủ còn phải đắp chăn đơn nữa.

Đồng hồ đánh mười hai giờ. Tiếng chuông ngân vang trong đêm khuya thanh vắng rõ mồn một. Đầu gối hơi lạnh, chân tay lạnh, Chi rầu rầu ngồi trong thư-thư chọt thư giặc với còi tiếng động ở gian trong, chờ Phương rằm. Chàng lặng tại: Phương tựa mình vào tường, rồi tiếng nàng yếu ớt gọi con Mươi. Chi vùng trở dậy bật đèn, chạy vào. Trên chiếc giường tây con Phương quần-quai, mặt-mây tái nhợt. Nàng gọi con Mươi rằm trên ghế - hồ gần đây đã lau, nhưng vì tiếng gõ khe cửa, nên cô vẫn mãi mê ngủ. Chi lèn đèn, rồi cô còn Mươi dậy, rồi lại bên giường Phương, để tay lên trán nàng:

— Phương không gọi tôi?
Giờ, trong người Phương ra sao?
— Phương người mặt nhợt nhạt...
— Sợ Chi đương ngủ...
— Đồng sàng nằm một lại:
— Phương đau bụng lắm Chi à!

Đoan, nàng là ra, hơi thở hỗn hển. Với vàng, Chi biết Phương đã đến ngày sinh nở, là một

thêm so vào cho Phương, lấy cái áo di của cô chàng khoe ra ngoài và che khăn quàng cổ cho nàng kín gió.

— Mươi! Mươi lại đỡ cô Hai xuống lầu... Kìa, xốc vào hai rách cô Hai!

Nhưng con Mươi yếu quá, Phương vào từ vào bà vệ thì nó sủa đi chực ngủ. Chi vội sỏ lại nắm lấy hai cánh tay Phương và dẫn nàng ra đến cửa. Bên ngoài gió đang mưa to, bỗng tối lập-lập dưới những luồng chớp ngắn. Nhà cửa thảng trợn ướt, không đo-dự, Chi tiến vào bằng Phương xuống đường. Gõ cửa, sấm sầm, những hạt mưa lạnh buốt như nước đá ném theo. Chi cúi mặt che chở nàng.

Xuống đến đường, con Mươi đi đi xe trong khi Phương mở phủ một quần-quai bon. Những lúc đau nhói, nàng lại ôm cầm lấy Chi, rên-rỉ. Ruột gan Chi nóng như lửa đốt. Chàng nhìn ngược nhìn xuôi. Hai chiếc xe chạy lại. Chi treo lại, ngồi với Phương một xe, và gặp người cu-li chạy mau về phía chợ Mơi.

Từ ngày Viên lấy tiền trốn về Bắc, Chi đã đi Phương mà không biết bao! Mỗi đêm nghĩ oán giận Viên, nghĩ những nỗi nhục-nhà khi giáp mặt cha già, Phương đã toàn ở rừ sạch bụi-trần ở trên sông Saigon. Song, những lúc quá thất-vọng, nàng lại được Chi khuyến khích, xua đuổi những ý nghĩ đen tối. Sau, dần-dần đau-thương êm-dịu, nàng đã bình-tĩnh suy tính: hàng người như Viên, thất-chưa đáng cho nàng tự hờn-hoại đến thế. Còn cái thất-vọng bụng. Dù sao nó cũng là đứa bé vô tội. Đôi nàng sẽ quyết định sau, chờ hiện thời, nàng không có quyền oán giận nó không được. Trông thấy anh-nhà-một-rời, Nàng làm-lỗi, nàng phải sống để chờ trả thù, để trả thù hằn của sự làm-lỗi ấy...

Nhưng sự thực, Phương càng dần mà sống, nhàn-nai mà sống, là nàng đã trông gương Chi, đã chịu ảnh-hưởng những cử-chỉ cao-thượng của chàng.

Với Viên, Chi chỉ là một người bạn sơ giao. Thật vô can-có, Chi phải nuôi sống Phương trong tình cảm thân gia đình này. Nhất từ khi biết nàng có mang, chàng trông nom Phương rất chu-táo. Chưa đến ngày 5 cũ, Chi đã mua trầu sen cho nàng có thể thuốc men cần dùng. Phương rất cảm-động. Nàng thường nhắc-nhắc từ hồi: « Sao người này, không phải là Viên?... »

Phương càng buồn tủi, càng cảm-ực, khi nhận thấy rằng cử-chỉ của Chi bấy lâu đều do lòng yêu-xe-sợ. Vì chàng thấy Viên, người đồng xứ, làm bầy

nhén phải cư-sử lại với Phương như thế đã chuốt tiếng tâm cho người Bà. Bởi vậy, dù còn oán giận Viên bao nhiêu, nhưng cử chỉ của Chi ân ái với mình, cái cảm hân của nàng cũng nhẹ giảm. Có khi đang rên-rỉ oán-trách Viên, nhìn Chi ra vẻ thương-đồng sâu rồi lấy, nàng lại im lặng. Do đó mỗi lần của Phương tiêu tan dần.

Những lúc thấy Chi tốn-kém vì mình, mà lương tâm chàng bao nhiêu thì nàng đã biết. Phương nói với Chi để đi làm thêm, rồi dần sự an tâm trong nhà, nhưng chàng không nghe. Có việc Phươg gặt thời của Mươi để làm lấy hết công-việc bếp núc, Chi cũng không muốn.

Từ đó, Phương hết sự thân và thu vén, đồ sự p. anh phi trọng như. Nàng tận-chức củ mình ở Gia đến lý sinh-nở, như người ta thì đã vào ở trước nhà thương đêm ngày, nhưng sợ tổn, nên - nhà chờ-đợi đến phút cuối cùng...

Hai chiếc xe phàng-phàng chạy dưới cơn vũ, cơn bão. Gió thổi ào-ào cuốn bụi tung tóe gào toí ầm ầm. Xe chạy khỏi đường đ. Avoit thì đổ trước một nhà hộ-sinh. Xương xe, Phương và thêm-thiết. Con Mươi ăn đường. Của mỡ, mỡ đã ở ra phụ-lực với Chi dù Phương vào một căn buồng. Đến khi đã Phương lên giường thì bỗng có một lễ, một lễ trong người và a như tâm Chi thấy bị còi ở cổ và Phương để khám, liền lấy trái ch.

Năm phút sau, bà ở ra ngoài hỏi Chi:

— May ông đưa bà đi mau, không có thì để rơi ở đường. Chi cá mừng:
— Thế là xem đêm nay liệu đã đẻ chưa?
— Cũng đêm nay thôi, chậm làm là sang mai...
Rồi trông về mặt bán-khoan của Chi, bà đỡ lại tiếp:

— Được, ông sợ nhà của vắng ẽ thì có vẻ, ẽ đã, chúng tôi trông nom của thân lắm, ông đừng ngại ngại. Có thể nào, chúng tôi sẽ cho con ẽ bảo tin mừng ông hay.

Đoan, Chi quay lại dặn con Mươi:



— Mày phải luôn luôn ở cạnh cô Hai, phải tỉnh ngủ xem cô có sai bảo gì, nghe không! Vừa da. Chi chào bà đỡ ra về, và lúc bấy giờ chàng mới cúi nhìn họ quần-áo, ngó bị nước mưa dính nhờn-nhớt vào người.

Về đến nhà, cô ngửi đến

HÀNG BÓN CỎI

TRIẾT-HỌC
ĐẠI-CƯƠNG

QUỐC-HỌC THU-XÃ
sẽ phát hành này mai

Phương, chàng thao-thức đến sáng. Rồi từ đó hôm sau, chàng đã lên nhà hộ-sinh. Mấy lần Phương lên con rừ da, Chi tưởng nàng sắp đẻ. Chàng thấy thò lên người chờ nêc tin tức. Mãi, mãi gần bảy rưỡi, Chi phải đi làm. Nhưng đến số, Chi nhấp-những ngủ không yên, mà cũng chẳng với lách ỉ được. Sau, chàng đành phải xin phép ngủ một buổi.

Đến lúc Chi trở lại nhà hộ-sinh lần thứ ba, thì Phương đã đẻ. Vừa thấy chàng, bà đỡ tươi cười nói ngáy:

— Bà nhủ để ục gần tám giờ cháu gái, ông a

Chi mỉm cười, song-sướng. Nỗ song-sướng ấy, chàng cũng không biết vì đâu mà có. Thái Chi chưa trải ở trong buồng, mà ở đây, chàng đã cảm thấy êm-ả và cảm tưởng của một người cha. Cái lập-lập đây với của bước vào buồng. Trông Phương mặt mũi nhợt-nhạt, mắt nhắm, cánh tay, chàng lặng nhìn buổi

ngủ, ở - ngại. Chàng thường cho rằng hương nồng chi vì không may vào lần phải đẻ như - nạn như Viên. Bàng-lệ những phút này là những phút hoan-lạc nhất trong đời người con gái lúc r. ầy sang dạ-bat làm mẹ. Người con gái, khi có mang, kêu-hanh biết bao! Khiên-buổi vì sắp nhận một trong-trách nhiệm-nhà vì được người chồng yêu, nio còn cho mẹ chồng, nào họ hàng nhà chồng hết sức nể-nam, chiều-chuộng. Lại khi sắp sinh-nở, theo tục lệ trong Nam, bà mẹ để ông đến ở gần gần nơi để trông nom

Bỏ thân tiêu diệt

Thuộc lệ: mìn, tiêu hết
những đ. người là do đi
đọc học tiểu ph. ra.
Hợp 9/30. N. 1/10, 6,
cả 1/7/30. N. 1/10, 6,
h. 1/10, 6, 1/10, 6.

NHÀ THUỐC T. Đ. Đ. Đ.
N. 1/10, 6, 1/10, 6, 1/10, 6.

Saigon: 1/10, 6, 1/10, 6, 1/10, 6, 1/10, 6.

nhà. Thế mà với Phương, nàng thiếu hết. Tâm thần bơ vơ, không một bà con thân thuộc đối-hoại...

Phương ngược cặp mắt long lanh cảm-động nhìn Chi. Như đọc hết ý nghĩ của chàng, Phương nắm tay chàng thêm bõ: «... Phương thiếu... thiếu hết! Song, Phương lại có một «anh Hai», tuy khác giống, khác họ, nhưng vì muốn bảo toàn danh-dự cho người đồng xứ, cũng thương mến, nâng-niêng Phương như một cô em gái vậy!»

Chiều thứ bảy có khác, phố Catinat sầm-sút lại! Trên tề, đầy những trái thanh gải lịch, đầy những dân chúng sảng-tươi của đất Sài-thành đi dạo phố. Dưới đường, xe cộ đi lại như mặc-cử, cái nọ nối đuôi cái kia thành một gẫy dài.

Phương chờ mãi mà chưa bằng qua đường được. Đến bậc mình, bà lần nâng tinh bước sang thì cái xe hơi đi trước gặp quẹo đường hẹp không vượt qua lùa được, ấy thế là mấy cái chạy sau đều dừng dưng cả lại. Phương đã bước xuống đường lại phải lộn lại tề lên bệ. Mấy phút sau, nóng ruột, nàng đành bỏ chạy, chiếc xe cao-xu vừa chạy kiể, Phương liền lách mình qua luôn. Nàng cảm cái bước Con đường Catinat này, đã lâu lắm nàng chưa đi qua. Hồ, con gái, không mấy chiều thứ bảy, là không có Phương dạo chơi cùng chàng bạn.

(còn nữa)

VŨ XUÂN-TỰ

Hội-an-hem Lạc - Hồng!
Cùng nhau quyết một lòng:
HỮU HỮU LẠO ANGLINH
Cố là giữ nước mong
THƯƠNG LẠO ĐÔNG-LINH
236, Đầu Cầu Nam Hanoi



Anh-Lũ

58 - Route de Hué - HANOI

Giấy, dép, quần tăn-thời v.v...
Toàn giá tốt, kiểu đẹp, hợp thời giá
phải chăng. (Có catalogue kinh bán)
Bán buôn và bán lẻ khắp mọi nơi

LẬU, GIANG

Mắc bệnh tình nên uống
thuốc của BÙC-THO-LƯƠNG
131 route de Hué Hanoi sẽ khỏi.

Thuốc lâu 1p00 một ve, Giang
1.00. Nhân chữa khoán. Xem
mạch cho đơn, chữa đủ các
bệnh người lớn, trẻ con. Bán
đủ cao, đơn, hoàn tán.

LOẠI GIA - ĐÌNH

(Quốc-gia)

THÊM NHIỀU MỤC VỚI
BẠN ĐỌC

Trà nhời câu hỏi. Đẳng tên
tuổi, ý thích, trao đổi những
thứ từ tranh ảnh, carte postale,
giữa bạn với một người
đồng ý bạn. Phải có: CHIẾC ÁO
CỦ, CHIẾC GẬY TRE, LA CHỨC
THU... Đã có trên bộ.

QUẦN - SƠN LÃO - HIỆP

của Thanh-Dinh (6 quyển 12\$)
Editions BẢO-NGỌC
67 NEYRET HANOI - TÉL: 786
(phố cửa Nam)

Bơi-dục-Dạ

TU-PHÁP KẾ-TOÁN
GIÁM-ĐỊNH HAN-PHÔNG
49 Place Neyret Hanoi. Tél. 1372

NHẬN:

- a) Mỏ, giẻ, khăn - sát số sách
thương-mại
- b) Tập học - đồng, điều-lệ các
công-ty
- c) Khai thác lợi-thiế địa-điểm
- d) Xin giá hối-hoàng-hu
- e) Khai xin vào sổ registre de
commerce.

Chi nhánh
Nam - Kỳ và Trung-Kỳ
Phòng thuốc
chữa phổi

(15 Radeaux Haroi Tél 1630)
Tầng phật hành: 163 Lagrandière
SAIGON

HUẾ Nam-Hải, 147 Paul Ber
Cao ho lao 15p chữa các bệnh
cổ và trung ở phổi. Từ lâu đã
thành được 4p ngăn ngừa các
bệnh lao sắp phát. Sinh phế
mọc cao 2p, chữa các bệnh phổi
có vết thương và vết sẹo. Sai
phế trướng 2p, nhuyễn-phổi và sai
trùng-phổi. Các thuốc bổ phế
kiềm bổ thần 1p50 và người trù
lao 1p, đều rất hợp bệnh.

Có nhiều sách thuốc chữa
phổi và sách bi thứ nói về
bệnh lao hiệu không. Hồi xin ở
lầu các và các nơi chi nhánh

CHỮA KHOÁN:

CÁC BỆNH

NHÀ THUỐC HỒNG-LẠC

46, phố Hàng Nâu - Hanoi

Có tiếng nhất Nam kỳ

Món ăn có tiếng khắp ba kỳ:
nem, bánh hỏi Thủ đức, bánh
phồng tôm. Chỗ ăn sang trọng
hệh sự, mát mẻ.

Bar QUẬN-CÔNG

góc đường Amiral Krantz và
Lacotte Saigon

NHỮNG THANH NIÊN
THẾ THAO KHÔNG THỂ
BỎ QUA NHỮNG SÁCH
THỂ THAO

- 1. - Muốn thành lực sĩ 0\$40
 - 2. - Khỏe và đẹp 0.70
 - 3. - Sinh lực mới 0.55
 - 4. - Thể thao phải đẹp 0.55
 - 5. - Biết bơi trong 3 giờ 0.55
 - 6. - Muốn luyện thân thể 0.55
 - 7. - Tập cử tạ và làm cơ người 0.78
- Bây giờ sách này đều có a lực sĩ
NGUYỄN AN, một tên sĩ của bạn
thể thao ở hàng ai đi tới ngay

HƯƠNG - SON XUẤT - BẢN



hay là hồi-kỷ của một
người đã nghiện và
đã cai thuốc phiện

— của VŨ-BĂNG —
(xem từ số 138)

là sau, một người phiá-mé
đến lấy tôi dậy, hồ, tềa tuổi
và chỗ ở.

— Nguyễn văn-Toảng, 29,
phố Henri Rivière, H.noi.
— Bính gì?
— Bầm, tôi cũng không
biết nữa

Người phiá-mé vết vào một tờ giấy dán lên
trên đầu giường tôi, rồi cầm một cái đèn thử
bầu đưa cho tôi cạo vào nách để xem nhiệt độ.
Bố-mà-một đống người « phi - mé » lại ghi vào
giấy. Rồi đi ra.

Bằng khuôn mặt, tôi chưa biết làm gì thì ông ở
gương số 4 đã sang ga truyền. Các thứ truyền
ôm đàu Các thứ bệnh. Các thứ người ông
thuyết là thuốc như tên cẩu đàu cơm của người
nhà. Ông gọi đố tôi không bằng tên thực, nhưng
bằng tên hiệu do ông hay các ma-lát khác đặt
ra. Ông lại hỏi ông xem bệnh tôi làm nữa. Rồi
ông nhìn vào tôi mà bảo:

— Cháu ông bị sốt rét rồi rùng!

Tôi chui là ông nói đúng. Thế là ông thích,
Nương - on đầu gan của ông-túc ấy nói lên. Ông
ôm đàu đi về chỗ, rên như một cơn lộn bị người
ta cắt đứt. Đồng thời, ông ở giường số 5 cũng
họa theo. Nhưng ông này không rên: ông run.
Ông run cầm cập. Những thanh sắt giường cũng
rung theo. Có vẻ như đùa vậy. Thực ra thì ông
nặng nhất ở ông buồng này. Không ai biết bệnh
ông là gì. Kể cả ông giường số 4. Chỉ biết rằng
ông ở Mương Bò về. Bụng ông to, mặt ông phờ.
Ông là không đi tiểu được. Người ta cầm một
cái kim to đâm vào bụng luôn một cái ông cao su
vỏ bằng - ua - g và cho đi tiểu ra rồi đó Ông đau
đớn, chửi rên cả lên. Cả ngày không an gì. Như
thế đã được bốn năm hôm nay rồi. Chết mất!
— Chết mất! Ông nằm giường số 7 ghé đầu
sang tôi nói khẽ như thế rồi lịm đi.

Đến bây giờ, tôi vẫn không biết là ông nói
ông chết mất hay ông bụng to chết mất.

Cùng lúc đó, ông nằm giường số 12 ho như
sợ ruột sẽ gan; ông ở giường số 6 khát tì ti,
nửa vì cái bệnh đau ruột của ông mà không ông
nửa vì nỗi nam hết tề đến rồi mà không ông
quê được do lẽ ông bà ông vãi và nhìn mặt vợ
con. Không khi thực là thế thắm. Ai cũng đau
đớn, ai cũng rên la, ai cũng quằn quại. Tôi chỉ
lấy làm là sao trước sau ông lão nằm ở giường

số 1 không hề động dấy mà cũng không hề rên la gì cả. Té ra sau mui tôi mới biết là ông lớn già này có mắt đen. Từ ở chỗ đó tôi ra một đồng thít to bằng cái bắp cải bốn hào. Mấy hôm trước, ông còn đi được mà đi thì có vẻ như người dúi bắp cải đi chơi mát. Nhưng mấy hôm nay, thì rồi. Ông chỉ còn có thể nằm trơ trơ ra đó, không động dấy, không kêu rên bởi vì lẽ kêu rên động dấy thì đau trong cổ như có hàng vạn hàng triệu con kiến lửa xúm nhau lại đốt.

Chao ôi là một cái cảnh tượng! Ở đằng trước, ở đằng sau, ở trên, ở dưới, cái chết chóc kêu an, gọi an và than thở với an. Anh bịt tai lại thì trông thấy nó, anh nhắm mắt lại thì nghe thấy nó. Cảnh địa ngục của nhà đại danh sĩ Milton tưởng cũng thâm khốc đến thế mà thôi vậy. Kẽm mới vào lần thứ nhất có gan là sắt cũng phải thấy chán đời và sẽ cho rằng phải sinh ra cái kiếp làm người thật khế. Ấc cho đến mấy, mà tất cho vào sống trong cảnh này, tôi chắc cũng sẽ phải mềm gan. Người ta không còn thù ghét nhau nữa, nhưng thấy một cái buồn mênh mông trong cõi đời. Cái bệnh đã làm cho những người nằm cùng một buồng gần nhau lại. Riêng tôi, có một lúc, tôi thấy cái đau của người khác như chính cái đau của mình. Nhưng chỉ một lát tôi dần dần với cái không khi ở đây. Tôi hít mạnh vào. Tôi thở mạnh ra. Lúc mới đến, cái không khí đó làm cho tôi lộn mửa. Tôi thấy rằng nó chưa được toàn những vì trùng, ả mà hít phải thì có thể chết ngay lập tức. Lắm. Tôi hít mạnh vào nữa. Tôi thở mạnh ra nữa. Chẳng làm sao cả. Va đến trưa, thì tôi đã hoàn toàn quen với nó; nó là bạn tôi. Tôi mời mọi người hút thuốc lá với tôi và đến ba giờ chiều thì tôi hoàn toàn có vẻ một ma lạt đã nằm ở nhà thương ba tháng rồi. Một người đến kể lại cho tôi cái gọi: Tôi sốt dữ quá, không cựa được.

Một người khác lại rót cho tôi chén nước rồi lại đi gọi phía-mê lại.

Người phía-mê lại đưa hàn thủ biểu cho tôi cấp. Số lên 41 độ hai. Cần rằng lại không rên, tôi ngủ thiếp một giấc nặng như thế là trị vậy. Đến khi dậy, tôi mới biết rằng đã hơn bốn giờ: giờ ăn cơm. Tôi không đứng được mà cũng không biết đói, lúc đầu, không ăn.

Ông ở giường số 4 vừa sửa răng vừa bảo:

— Ông may đấy. Mai, bà sẽ vào đây phát quà mừng một tết cho tất cả ma-lạt ở trong này. Có khi cho cả tiền nữa. Nhưng có lẽ đến sáng ngày kia là mừng hai thì dốc tờ mới khám bệnh cho ông được, bởi vì mai là ngày nghỉ.

Tôi nằm chờ ngày mừng hai để khám bệnh như một người chết đuối mong có cái thuyền đến vớt.

Mùng hai tháng giêng

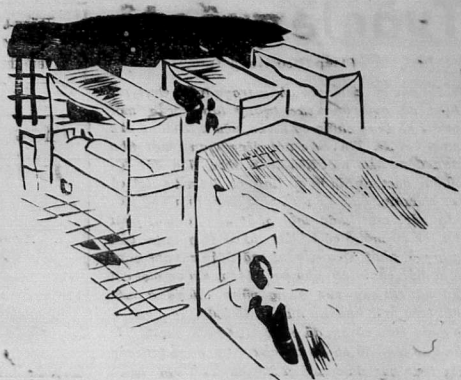
Đêm qua là một đêm khó nhất trong đời tôi. Có lẽ người dương thế chết xuống âm phủ bị quỷ xú khảo đá cũng không cực bằng. Thít tai nhào ra, xướng tới lông ra, mắt tôi trong ra. Những cơn sốt liên tiếp hành tôi dữ quá. Đồng thời ruột tôi đau buốt như cưa rĩa. Tôi không ngủ, tôi không ăn, nhưng tôi buồn chán buồn tẻ như thể một người sắp chết bất chuẩn chuẩn vậy. Tôi lấy thuốc cai ra uống. Đêm hôm kia, đêm hôm qua, tôi uống mỗi bốn mươi viên. Đêm nay, tôi rút xuống còn chín viên. Cơn sốt suốt một đêm không để cho tôi yên một phút nào. Đã vậy pháo ở chung quanh lại cứ nổ liên tiếp như chọc vào lỗ tai tôi, cưa đứt gân tôi. Tôi nghĩ đến sự giết người. Những người ở bên tai tôi những lời rên ả ăm ồm lên như nghiền rên một sấm trong lòng người. Cảnh chế chọc bay ra cũng trời đất. Quỷ khốc thần kinh. Tôi không nghĩ đến chuyện giết người, tôi nghĩ đến chuyện tôi lại giết tôi. Tôi nhắm mắt. Vẫn không ngủ được. Ở đằng sau,

một tiếng kêu thất thanh như có ai bị bóp cổ, hồng xé tan khoảng tối đen im lặng. Toàn thân tôi lạnh toát. Có một lúc tìm tôi ngưng dấp. Mồ hôi tôi toát ra đầy mình. Tôi nằm không thở, lắng tai nghe động tĩnh. Thở/sau tiếng "à à à" một giọng hát cất lên, rồi tiếp đến những tiếng cười trời, cười đất, cười người. Ầ ả là những người điên ở đằng sau. Họ đánh nhau với những cái chân song sáo và lông lên đỉnh chày ra bên ngoài. Tôi cũng là một người điên đấy, trời ạ! Tôi cũng muốn ra bên ngoài ngay bây giờ. Để làm gì? Có lẽ chẳng để làm gì cả. Nhưng nếu gặp ai, tôi cũng sẽ chết như lũ điên kia vậy. Ai cho tôi hết thì tôi tha. Nhưng mà ai cho tôi hết? Mà tôi ra làm sao được? Lúc đó tôi bắt đầu thấy việc mình vào nhà thương là dại. Nhưng mắt tôi. Treo tường chốn thì tôi không còn sức. Và lại, ngộ bên ngoài có đôi xếp, chạy ra bắt thì liệu có nhúc không? Tôi lại đành lẩn ra nằm. Không tài nào nhắm mắt. Tôi lại lấy thêm một viên thuốc ra uống nữa. Càng uống, càng rạo. Tôi thấy rằng những người sắp chết, nằm giường mất ra đấy, không làm gì được cả, thì khổ nhất. Tôi lại nghĩ vậy. Như thế có một cái lờ lờ mạnh hẳn lên. Và tôi không thể gan hơn được nữa. Ruột gan tôi nóng như lửa: lờ lờ, ồm ồm, bụng mà rên lên, mà rên lên, mà rên lên. Tôi nghĩ rằng rên như thế không có ích gì cả, vì cái chứng nóng ruột của tôi không vì thế mà đỡ được và những người bệnh khác không vì thế mà trở yếu để làm cho tôi giảm đi được một phần đau đớn. Nhưng, mặc! Tôi cứ rên là tôi cứ rên! Mặc cho những ai không ngủ được.

Ở nhà thương, những người bệnh thường giấy sờ làm. Họ giấy từ khi còn tới giờ. Kể chừng quá được thì ngồi xếp bằng tròn ở đầu giường, kể đau ốm quá thì cứ nằm thẳng căng ra mà nói chuyện. Không ai trông thấy ai cả. Tự nhiên ở trong lòng tôi có tiếng người nói: tôi có cảm tưởng rằng mình nghe thấy ma hiện lên ngồi nói chuyện bệnh tật với nhau. Ông ở giường số 1 hỏi tôi và không gọi tôi bằng tên cha mẹ đặt cho nhưng gọi bằng cái tên như tên đồ vật. Ông hỏi tôi rằng: !

— Ông số 8 nhĩ! Có lẽ suốt đêm qua ông không ngủ. Ông ở giường số 4 chưa sao?

— Ừ, mình cứ thế không ngủ được như số 2 là cùng, ấy thế mà số 8 lại «pho»



hơn. Tôi cứ mở mắt lúc nào lại y như thấy số 8 đương ngồi dậy ôm lấy ngực hay là vật mình vật mấy rên la.

Thì ra ở đây, người ốm không là người nữa. Người ốm là các vật, là con số. Tôi là số 8. Tôi là cái giường số 8.

Thầy phía-mê cũng gọi tôi thế: — Số 8 hôm nay ra khám bệnh!

Bệnh tôi là bệnh gì? Người ta lấy máu tôi để thử. Người ta bảo tôi cứ ả ra để nghe ngực. Người ta bảo tôi thể lưỡi ra như một thanh bẽ thể lưỡi ra chứ cần

Và cho tôi về giường. Đến trưa hôm đó thì tôi thấy người họ trở trong thuốc đến lấy cái bình cho tôi nằm và thay vào trong đó một mảnh lịch chó. Đó là lần những vị thuốc mà bắt đầu từ mai các thầy đó sẽ tiêm cho tôi vậy.

Tự nhiên tôi thấy khỏe ra một chút. Biết rằng những thứ thuốc đó chỉ là những thuốc tây độc, hồ máu và tiếp sức, tôi cũng cứ cho ngay rằng nó sẽ giúp tôi tây thuốc phiện ở trong người và giúp cho tôi thanh công trong việc cai chuyện này.

Tôi ngồi bó gối lại và nhất định không nằm nữa tuy đầu tôi cứ quay đảo như ngỗng đồng vậy. Bỗng, một người mặc bà-la trắng ở đầu đi vào.

— Số 8 đi cần!

Nguyên đức-tô có cho tôi tiêm một thứ thuốc rất nặng, phải tùy theo sức người cần được bao nhiêu cần mà cho tiêm ngần ấy liều. Chính tôi, tôi nghĩ dợi cho người ta đến gọi đi cần vậy.

VŨ BĂNG
(Ký sau đây (tếp))

BÓN CỎI:

Hồn Quê

Một tác phẩm đặc sắc nhất của Nguyễn-khắc-MÂN. Một cuốn tiểu thuyết dài đồ sộ nhất năm 1943. Sách in lần thứ nhất dày hơn 500 trang. Bìa làm bằng giấy đỏ phượng hoàng rất quý đắt ở làng Nghệ do họa sĩ Lưu-văn-Siêu trình bày. Loại quý bìa học gấm, trạm chữ vàng: giá vẫn 80p. Bìa minh châu, giá làng thương hàng 35p. Các hạn chợ sách xin đặt tiền trước.

NHA XUẤT - BAN SÁNG,

ĐÀ CỎ CÁN:

«CỎ THUY»

tiểu thuyết được giải thưởng văn chương Tố-ye năm 1935 của Nguyễn-khắc-MÂN. Sách dày 400 trang, bán 320p. Bìa màu đỏ họa sĩ Lưu-văn-Siêu 25p - 15p.

ĐỜI BÍ MẬT CỦA CON KIẾN

truyện, sáu tập của Phạm-ngọc-GIAO - 0p50

GIÁC QUAN THỬ SẦU

của Ngọc-HỮU - giá 0p40
Ma? Mộng? Phù-Thủy?

46 Quai Clémenceau - Hanoi

Tuần lễ quốc tế

(Tiếp theo trang 3)

Số đại bác và chiến xa dùng trong trận Orel rất nhiều và quá hẳn sức tưởng tượng của mọi người. Vì dân chiến có nhiều nên việc dùng súng người bắt đầu. Tin Đức nói riêng trong một khu hành động của một liên-đoàn Đức, Nga đặt tới 250 đại bác, nghĩa là cứ tính ra 6 thước lại có một khẩu đại bác. Còn về phía Đức thì riêng một ở đại bác, mỗi khẩu mỗi phút bắn ra một phát như thể cứ mỗi 6 đến 4 khẩu thì cứ 15 giây lại bắn được một phát. Quan cảnh mặt trận rất ghê gớm đó là một cảnh tàn phá hoàn toàn, không một cái nhà một cái cây nào đứng vững. Riêng ở một khu, trên một khoảng đất độ 10 000 thước vuông do quân Đức chiếm đã có tới 10 000 lỗ do đại bác bắn đào lên. Số chiến xa của Nga bị thiệt trong mấy tuần nay đã có tới 2 300 chiếc, thêm vào đó số bị hủy trong ngày thả năm trước cũng có tới 530 chiếc. Tuy vậy số chiến xa của Nga đem ra mặt trận vẫn rất nhiều. Tin Nga nói hiện quân Nga đã lọt vào được miền ngòi ở thành Orel và đã phá được trận tuyến Đức. Cuộc chiến tranh ở mặt trận phía Đông có vẻ là một cuộc chiến tranh rất quyết liệt, tuy vậy-kể-không trận Orel-Koursk-Bielgorod cũng chưa thể định đoạt được số phận chiến tranh.

Quân Nga lại vừa tấn công cả ở khu mặt trận phía Bắc và đanna vào trận tuyến Đức ở gần Schlussemburg và có tin nhiều quân Nga đang tập trung ở gần Mias ở mặt t ận phía Nam.

Tình hình các mặt trận ở miền quần đảo Salomons giữa Mỹ và Nhật chưa có gì thay đổi lớn. Phi quân Nhật vẫn tiếp tục đánh phá các nơi có quân Mỹ đổ bộ và tin Mỹ đã dần dần thu nhận các sự thiệt hại ở trong các trận ở khu này.

Về chính trị, có tin sau khi điều đình xong ở Hoa-kỳ, Girard sẽ qua Luân-đôn rồi mới về Bắc Phi. Về việc đảo Martinique và Guadeloupe thuộc

Thống-Chế LYAUTEY đã nói: «Ta là một sinh vật chỉ ưa hoạt động». Chúng ta nên theo gương ngài.

CÁC GIA-ĐÌNH NÊN DÙNG THUỐC:

Điêu - Nguyễn

- 1) Thuốc đau dạ dày Điêu-Nguyễn
- 2) Thuốc ho gà . . . Điêu-Nguyễn
- 3) Thuốc ho lao . . . Điêu-Nguyễn
- 4) Thuốc bổ thận . . . Điêu-Nguyễn
- 5) Thuốc bổ huyết . . . Điêu-Nguyễn
- 6) Thuốc cam lý . . . Điêu-Nguyễn
- 7) Thuốc cam sai . . . Điêu-Nguyễn

Tổng-cục : 125 Hàng Bông, Hanoi

Đại lý Direct: Mait-Thang, Mai-Lich, Nam-Tien Saigon
Nam-cường: Mytho, Vinh-hung, V-enture

DẦU NHỊ - THIÊN

Trị bách bệnh nhất thần hiệu. Mỗi v 0\$40
Quý khách có mua, xin mời đến các nhà đại lý, hoặc tiếp xúc, thời mới được dầu chính hiệu. Xin đừng mua ở các hàng đóng trên tàu bè mà mua phải thứ dầu đầu tiên.

Nhị-Thiên-Dưỡng kinh các
NHỊ-THIÊN DƯỠNG DƯỢC-PHONG
76, phố hàng Buồm, Hanoi - Téléphone 849

Pháp, đó đốc Robert đã điều đình xong với đại điều Mỹ và đã gien cho các người Pháp trung thiện với chính phủ ở chính quốc được phép từ giã hai đảo đó hay ở lại mà không bị bọn phản nghịch tìm cách hãm hại.

ở Nhật Thủ-lương Đông-Điền sau khi đi kinh lý các miền Nam-hải thuộc phạm vi Nhật đã về tới Đông-kinh và đã tâu trình Nhật hoàng về tình hình các miền đó.

Những cuốn sách hay nhất của Á CHÂU

- 1) Mai truyen tinh ly ve tre . 1\$ 30
- 2) Gioi tinh . 1, 20
- 3) Thoi trang . 1, 20
- 4) Chinh theo giuong giue . 1, 20

Sách trình tham

- 1) Đổng li ai . 1\$ 30
- 2) Vu su mang phong co thi pham . 2, 20

Loại phiên lưu

- 1) Mui ten thu . 1\$ 50

AI cũng có thể tự chữa lấy bệnh và trở nên danh - Y là nhờ có các sách thuốc của cụ Nguyễn-an-Nhan bằng Quốc-ngữ có cả chữ Hán

- 1) Sách thuốc chữa đau, sỏi 2p50
- 2) Sách thuốc chữa đau mắt 2p50
- 3) Sách thuốc gia - ruyền K.N. 2p50
- 4) Sách thuốc kinh ngh ếm 3p00
- 5) Y học Tang-thứ (in lần thứ tư) 12p
- 6) Sách thuốc Nhât-bản T. H. 3p00
- 7) Binh-Dân up3, Gian lịch phương 6p50
- 8) Sách thuốc để phòng và chữa thương hàn 5p00,
- 10) Sách 1. uoc Hât-thương Lân ông 2p00

Ở xa gửi mua thêm được. Thơ, mandat để cho nhà xuất-bản: **NHẬT-NAM THƯ-QUÁN HANOI**

Các nhà hã dăng:

PHẦN TRỊ ĐÔNG-DƯƠNG

(Graphie Indochinois)
Mô «Helene chi I» «Helene chi II» «Helene chi III» phố Lu Loakay.
Đã được công nhận là tốt không kém gì ngoại quốc, công việc cần thận. Giữ-nhau chong khắp Đông-dương.

SỞ GIAO DỊCH :
Éts. TRỊNH - BÌNH - NHỊ
153 A. Avenue Paul Doumer Haiphong
Ad. Tel. AN-NHI Haiphong - Tel. 787
Cầu đại lý khắp Đông-dương

Cao ho lao

ĐẠI-Á HANOI
(Bản theo g á hội-dồng hóa g 4)

Trị Ho-lao, ra mìn, đau cổ, tắc tiếng, hen, suyễn, đàm nhiều.
Chai 90grs. 25p, chai 60grs 16p80, chai 45grs. 12p50, chai 30grs. 8p40, chai 24 grs. 6p50, chai 15grs. 4p55.

Dưỡng phế cao
Bổ phổi người lao, chai 45grs. 12p50, chai 30grs. 8p40.

Người trừ lao
Chai 30grs 4p55, chai 15grs. 2p45

Giải uế thanh tâm
Trị nóng, sốt, lọc chất độc.
60grs 2p10.

BẮN TẠI ĐẠI-Á

176 phố Lê Lợi, Hanoi
CHI CỤ : 209 Lager à d'ère Saigon
ĐẠI-LÝ : Thanh-Niên, 39 Avenue Hué, Mai-Lich Haiphong

THANH - ĐẠM

của NGUYỄN-CÔNG-HOAN
Tác phẩm đặc - biệt về quan trường 1 50) trang 4p50 có in riêng 5 bản do lạ, mỗi bản 2\$500

SÓNG GIÓ ĐỒNG CHÂU

của THẤT VI LANG
Những thâm-cảnh tại hải biên
Đồng châu, in lần thứ hai
giá : 2\$90

Nhà xuất bản :
ĐÔI CÔI 62 Takou Hanoi

ÉTABLISSEMENTS

TRƯƠNG - VAN-TU

FABRICANT - REPRESENTANT
COMMISSIONNAIRE
265, Marchal D'etain Haiphong

Tuscor demi soie khố 80cm 5\$00

Tuscor rayé khố 80 5\$40

Crêpe rayonne khố 80. 5\$20

Serge blanc khố 78 5\$20

Toile demi-soie rayure khố 82 5\$40

MỖI VÊ NHIỀU : da vernis đen, repeux de vernis Hồng-long bán rẻ giá 1p80. 1 p ed còn rất ít. Gởi đi xa nhanh chóng, tính thêm 90 p 1 pied creux. Tuscor người dùng lấy mẫu gửi phí timbres, tuy may nhà tuon gửi 45 timbres

AI MUỐN DÙNG THUỐC

BỒ CÙNG TÌM THUỐC

sâm
nhung
bách
bồ
Hồng - Khê

75 Hàng Bờ Hanoi. Mỗi hộp 1\$20

CAI A - PHIÊN

Thuốc Tứ - Nhựt - Khước Văn Hoàn số 46, giá 1p và nhữ 3p50 về lện

Ve nhữ 1p00 uống từng ngày chỉ bán tại nhà thuốc hoặc các đại-ly để các ông không cần tiền mua luôn một lú , còn các ông ở tỉnh xa, chỉ nhân gửi theo cách tính họ 6guc ngan, nghìn/nặng 7p00, nghìn nhẹ 3p00 (để khỏi cái đỡ dạng mà hết thuốc). Sắm nhưng tuyệt-cần 1p50. Thang thuốc tuyệt cần 0p25 và phải trả 1/3 tiền trước ngàn phiếu để tên M. Ngô-vi-Vũ Việt-công 58 Hàng B. Hanoi.

Cần thêm rất nhiều đại-ly tại khắp Trung, Nam, Bắc xin viết thư về thương lượng

Cách cai a - phiên vi lễ riêng không ông được vậy muốn biết cặn kẽ, xin gửi về 0p07 tem (cò) làm tiền gửi đi có quyển catalogue, bưu, gửi ngút 700 trang, nói đủ các bệnh trẻ tr xã mới sinh, cai a - phiên, lặt lể ngua và các thuốc Nhât-ban



MAY ÁO CƯỚI

24 A. LÊ QUÝ ĐÓN - HANOI

NHÀ XUẤT-BẢN NGƯỜI VIỆT

Đã có ban :

Khúc đoạn trường
giá 0p80

Đang in

SÔNG VIỆT

tập văn của Hằng Văn, Xuân Diệu, Xuân Việt, Huy Cận Mạnh phu T. V. Hoàng Chương, Văn Nam.

Sắp in

VŨ TRƯ CỬA CỬA HUY CÁ

Gửi-nương cho gió thơ của Xuân Diệu
Nhà họ ệch tiền thuyết của Hằng Văn

Autoris: (publication crée antérieure-

à loi du 13 Decembre 1941)

Ed. Hebdomadaire du Trung-Bac Tân-Van N

Imprimé chez Trung-Bac Tân-Van N

36, B1. Henri d'Orléans - Hanoi

Certifié que l'impression

Titre à l'explaire

L'Administrateur Gérant: Ng. d. LUY N

Thơ của Hồ Dzènh

QUÊ NGOẠI

lập tư do gây được dư luận tốt đẹp nhất trong năm 1943

Lần đầu tiên THI CA VIỆT NAM được in dưới một cách chầu chội bằng đon hot tinh diu của một nhà thơ ngoại quốc. Sách do hoi sĩ Nguyễn - đư-Ngoc biên tập. In rất đẹp, loại thường 3p. Loại đặc biệt gửi 3p0. Số sách còn rất ít. Hiện nhiều nơi đã bán hết. Mua về trị thêm quĩn cực. Bào đảm. Lê hân trưc. Bả ra trên 100 thư xâ h. Bối ca nlogue kèm tem 9, 00. Mua về trị tền trước

NHÀ IN Á-CHÂU XUẤT BẢN 17 EMILE NOLLY HANOI TEL. 1260

Giày Phuc-Mý

BỀN BỀ
VÀ ĐẸP
CÓ CATALOGUE
KÍNH BIỂU



Mua buôn hời giá đặc biệt riêng. Thư từ
ngân phiếu để cho M. Trương-quang-
Huỳnh — 204 rue du Coton — Hanoi

DÙ «MỸ-THUẬT» KIỂU NHẬT, GỌNG TRÚC

DÙ LỢP LỰA hạng thường... 7\$50
DÙ LỢP LỰA hạng luxe... 8, 75
DÙ LỢP SATIN hạng thường... 11, 50
DÙ LỢP SATIN hạng luxe... 12, 95

Gởi C.R. đi khắp mọi nơi. Mua buôn xin hời giá riêng

LE LOUVRE 70^{ter} Jules Ferry
— HANOI —

HOUANG - P'ENG

Fabricant

FIXATEUR DE LUXE GOMÉDOR ET MILDOR
BRILLANTINE DE LUXE JOLIDOR ET MÉDOR

PÂTISSERIE, CONFISERIE, ÉPICERIE

MERCERIE ET RƯỢU CHỐI BẮC KỲ

Bán ở 74, Hàng Bông Chợ Ruộm — Hanoi

THƠM MÁT

SẠCH SẼ

■ ■

Hai đặc điểm của *fixateur*
ARISTO

Vinh - Cát

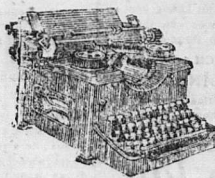
8, Rue Puginier, Sontay

may quần áo trẻ em đã có tiếng

COSTUMES

ROBES

có nhiều hàng đẹp hợp thời cho
xứ Nam-kỳ, Cao-mên và Ai-lao
bán buôn, gửi đi khắp Đông-dương



Một nhà chuyên môn
chứa và cho thuê máy
chữ, từ 20 năm nay,
được tin nhiệm của
mọi người. Cần mua
nhiều máy chữ cũ.

Maison

Quảng - Lợi

14, Rue du Papier
Hanoi
— Téléphone n° 119 —

RĂNG TRẮNG

KHOÍ SÂU

THƠM MIỆNG

vi dùng:

thuốc

đánh răng



NÈN HÚT THUỐC LÁ

BASTOS

NGON, THƠM

Giá... .. 0\$19

MỜI VỀ RẤT NHIỀU

STENTS

Khà trương răng Minh-Sinh

174 Rue du Coton Hanoi

Tél. 1310

Đại-lý độc quyền
các đồ dùng
làm răng Stents,
Ciment, Meu-
les, Amalgame

d'argent, Gutta percha, Email dents,
Caoutchouc dentaire noir et rouge, etc...

Nhà giồng răng

NGUYỄN - HỮU - NAM

156-158 phố hàng Bông Lữ Hanoi — Tél 1631

Chuyên môn: giồng răng, vàng, bạc, trắng, đen,
danh, sữa, chữa răng vẩu lệch, cần thận nhanh
chóng, giá hạ và có bảo đảm chắc chắn.

Sáng từ 7h 0 đến 12h

Chiều từ 14h đến 20h